

TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN

Tháng 7/2026

THEO DÒNG LỊCH SỬ

Những ngày đáng nhớ trong tháng 7:

- 02/7/1976: Kỷ niệm Ngày nước ta đổi quốc hiệu từ Việt Nam Dân chủ cộng hòa thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 11/7: Kỷ niệm Ngày Dân số thế giới.
- 15/7/1950: Kỷ niệm Ngày truyền thống thanh niên xung phong.
- 17/7/1966: Ngày Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.
- 20/7/1954: Ngày ký hiệp định Giơnevơ.
- 27/7/1947: Kỷ niệm Ngày thương binh, liệt sĩ Việt Nam.
- 28/7/1929: Kỷ niệm Ngày thành lập công đoàn Việt Nam.

02/7/1976: KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY NƯỚC TA ĐỔI QUỐC HIỆU TỪ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA THÀNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

50 năm Quốc hiệu 'Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam' và khát vọng phát triển trong kỷ nguyên mới

Ngày 2/7/2026 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc: tròn 50 năm đất nước chính thức mang quốc hiệu Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VI đã thông qua Nghị quyết về tên nước, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca và tổ chức Nhà nước khi chưa có Hiến pháp mới. Quốc hội quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyết định khóa Quốc hội được bầu trong cuộc Tổng tuyển cử ngày 25/4/1976 là Quốc hội khóa VI nước CHXHCN Việt Nam; quyết định chính thức đặt tên thành phố Sài Gòn-Gia Định là Thành phố Hồ Chí Minh. Sự ra đời của nước CHXHCN Việt Nam mở đầu cho bước phát triển mới trong quá trình đi lên của đất nước. Ảnh: TTXVN

Quyết định lịch sử này của Quốc hội khóa VI (1976) không chỉ hoàn tất quá trình thống nhất về mặt nhà nước mà còn là lời khẳng định mạnh mẽ về con đường và mục tiêu phát triển mà dân tộc ta kiên định hướng tới.

Nhìn lại chặng đường nửa thế kỷ qua, có thể khẳng định việc lựa chọn tên nước "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" là một tất yếu khách quan, phản ánh sâu sắc bản chất chế độ và mục tiêu tiến lên chủ nghĩa xã hội của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta. Mỗi quốc gia, dân tộc đều có quyền chính đáng trong việc quyết định lựa chọn con đường và thể chế chính trị cho mình, và sự lựa chọn này chính là ý chí của nhân dân Việt Nam được thể hiện qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

Xét về tính chính trị, quốc hiệu thiêng liêng ấy khẳng định rõ hình thức chính thể của nước ta là cộng hòa, có chế độ chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa, là một nhà nước độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Bản chất của chế độ chính trị ấy được định hình rõ nét và quy định chặt chẽ trong Điều 2 Hiến pháp 2013: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; cũng như Điều 4 về vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Việc giữ vững quốc hiệu này qua các bản Hiến pháp năm 1980, 1992 và 2013 đã trở thành điểm tựa vững chắc để bảo đảm sự ổn định chính trị. Hơn thế nữa, thực tiễn đã chứng minh việc thay đổi tên nước không chỉ làm phát sinh nhiều thủ tục hành chính, gây tốn kém, phức tạp, mà còn tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch chống phá, xuyên tạc rằng nước ta đang xa rời mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Trong "Báo cáo về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 trên cơ sở ý kiến nhân dân" trình bày trước Quốc hội khóa XIII tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2013), đại diện Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 khẳng định: "Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp nhận thấy tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Việt Nam dân chủ cộng hòa đều thể hiện rõ chính thể của nước ta là cộng hòa, bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ. Tuy nhiên, việc giữ nguyên tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhằm tiếp tục khẳng định mục tiêu, con đường xây dựng và phát triển đất nước lên chủ nghĩa xã hội, bảo đảm tính ổn định, tránh việc phải thay đổi về

quốc huy, con dấu, quốc hiệu trên các văn bản, giấy tờ. Hơn nữa, trải qua 37 năm, tên gọi này đã trở nên quen thuộc đối với nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế".

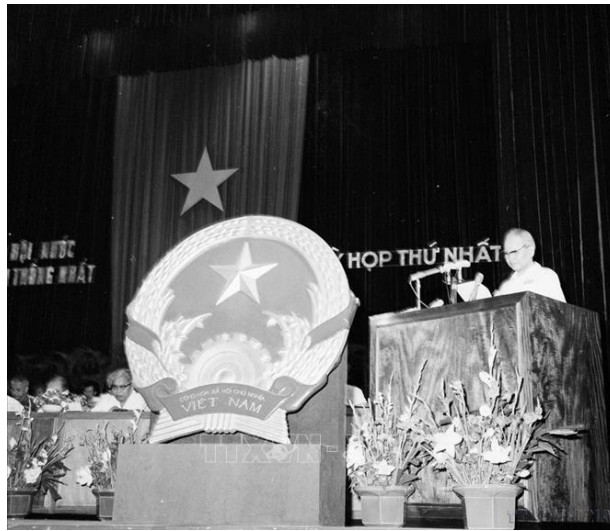
Minh chứng rõ nhất cho tính đúng đắn của thể chế chính trị ấy chính là những thành tựu vĩ đại mà đất nước đã gặt hái được dưới quốc hiệu thiêng liêng trong suốt 40 năm thực hiện công cuộc Đổi mới (1986 - 2026). Từ một quốc gia nghèo nàn, bị bao vây cấm vận với quy mô GDP chỉ vỏn vẹn khoảng 4,5 tỷ USD vào năm 1986, Việt Nam đã có bước bứt phá ngoạn mục, vươn lên thành nền kinh tế đạt 514 tỷ USD vào năm 2025 và ở vị trí thứ 32 toàn cầu.

Đáng tự hào hơn, tỷ lệ hộ nghèo từ mức trên 80% đã giảm xuống dưới 3%, đưa đất nước trở thành một hình mẫu tiêu biểu của thế giới về công cuộc xóa đói giảm nghèo. Đi cùng với sự bứt phá về kinh tế, uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế cũng được nâng tầm vượt bậc khi Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao ở mọi cấp độ với hàng loạt quốc gia, tham gia sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu với 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) và nhiều lần tự hào đảm nhận các vai trò quan trọng tại Liên hợp quốc.

Đứng trên nền tảng vững chắc của 40 năm Đổi mới, Đảng ta tiếp tục vạch ra tầm nhìn chiến lược đến năm 2045, đưa Việt Nam trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao và vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tầm nhìn vĩ mô này thực chất là sự kế thừa, phát triển xuyên suốt từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991. Văn kiện này đã lần đầu tiên định hình rõ ràng mô hình xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thông qua một hệ tiêu chí cụ thể với 7 đặc trưng cơ bản. Trải qua thực tiễn, nhận thức lý luận của Đảng tiếp tục được hoàn thiện, và đến Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, hệ thống này đã được phát triển thành 8 đặc trưng cốt lõi.

Những đặc trưng ấy khắc họa rõ nét hình ảnh một xã hội "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ; nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc; các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

Việc cụ thể hóa từ 7 đặc trưng năm 1991 đến 8 đặc trưng năm 2011 đã tạo nên bước chuyển lớn từ nhận thức khái quát sang một hệ tiêu chí định hướng chính sách, kiên định lấy chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của con người làm trung tâm. Do đó, chủ nghĩa xã hội không thể chỉ nằm trên định hướng lý luận mà phải được đưa vào thực tiễn đời sống hằng ngày của nhân dân.



Tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VI đã thông qua Nghị quyết về tên nước, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca và tổ chức Nhà nước khi chưa có Hiến pháp mới (1976). Ảnh: TTXVN

Quán triệt tinh thần "dân là gốc" ấy, trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, việc xây dựng mô hình "xã, phường xã hội chủ nghĩa" được xem là một giải pháp mang tính đột phá nhằm chuyển hóa các nguyên lý vĩ mô thành thực tiễn sống động ở cấp cơ sở gần dân nhất. Tại cuộc tiếp xúc cử tri Hà Nội ngày 4/5/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhận định, đến năm 2045, Việt Nam có thể kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời gợi ý Thủ đô thí điểm xây dựng mô hình "xã, phường xã hội chủ nghĩa" với quy mô dân số từ 500.000 đến một triệu người.

Theo định hướng của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, một đơn vị thí điểm phải bảo đảm hạ tầng đồng bộ, hệ thống giáo dục và y tế phát triển, không gian công cộng, đô thị thông minh, môi trường sống an toàn, dịch vụ công thuận tiện và chính quyền vận hành hiệu quả. Bước chuyển từ hoạch định quốc gia xuống sát cấp cơ sở này chính là cách biến các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội thành những tiêu chí cụ thể, có thể đo đếm và kiểm chứng được trong điều kiện sống hằng ngày của người dân.

Theo Tiến sĩ Phạm Thị Hoàng Hà, Viện trưởng Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), trong kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên của hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, thì yêu cầu cụ thể hóa các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội vào thực tiễn phát triển ở cơ sở ngày càng trở nên cấp thiết. Đặc biệt, trong bối cảnh triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, việc xây dựng mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng trong hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước, như chỉ dẫn của V.I.Lenin: "Chúng ta đưa chủ nghĩa xã hội vào cuộc sống hàng ngày, và chúng ta phải tìm hiểu cuộc sống hàng ngày".

Lộ trình hiện thực hóa mô hình cơ sở mang tính tiên phong này được hoạch định một cách bài bản, thận trọng qua bốn giai đoạn liên tiếp: từ nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí và tiến hành thí điểm (từ nay đến năm 2030); hoàn thiện khung pháp lý và nhân rộng các mô hình mẫu (2030 - 2035); tích hợp sâu

rộng vào chiến lược quốc gia (2035 - 2040); và cuối cùng, tiến tới mốc lịch sử 2040 - 2045, không gian xã hội cộng đồng này sẽ được định hình hoàn thiện như một cấu phần hữu cơ của chủ nghĩa xã hội Việt Nam hiện đại, phản ánh rõ nét các giá trị nhân văn, dân chủ thực chất và phát triển bền vững vì con người.

Như vậy, giữ vững quốc hiệu Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính là giữ vững điểm tựa chính trị, tạo tiền đề duy trì sự ổn định, môi trường hòa bình để phát triển đất nước. Với niềm tự hào trải suốt nửa thế kỷ mang quốc hiệu thiêng liêng, cộng hưởng cùng những thành tựu rực rỡ đúc kết từ 40 năm Đổi mới và quyết tâm kiến tạo chủ nghĩa xã hội từ những hạt nhân cơ sở nhỏ nhất theo định hướng của Đảng, dân tộc Việt Nam đang hội tụ đủ mọi điều kiện để tự tin hướng tới tương lai. Ở đó, khát vọng về một quốc gia phát triển phồn vinh trong kỷ nguyên mới chắc chắn sẽ được hiện thực hóa bằng chính sự đoàn kết, kiên định và sức sáng tạo không ngừng của toàn Đảng, toàn dân ta trên con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn.

Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam

11/7: KỶ NIỆM NGÀY DÂN SỐ THẾ GIỚI

Ý nghĩa Ngày Dân số Thế giới 11/7

Ngày dân số Thế giới 11/7 năm 2025 với chủ đề: 'Quyền tự quyết về sinh sản trong một Thế giới đang thay đổi'. Đây là thông điệp chính thức được Văn phòng Quỹ Dân số Liên Hợp quốc tại Việt Nam công bố và được Bộ Y tế đưa vào Kế hoạch truyền thông dân số năm 2025 nhằm đẩy mạnh nhận thức cộng đồng về vai trò, quyền lợi và trách nhiệm trong vấn đề sinh sản.



Ngày Dân số Thế giới là một sự kiện thường niên diễn ra vào ngày 11/7 hằng năm, nhằm nâng cao nhận thức của toàn thế giới về các vấn đề dân số toàn cầu. Đây cũng là dịp để nhân loại tự hào về những thành tựu trong lĩnh vực dân số, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống, nâng cao chất lượng dân số và tuổi thọ của người dân, góp phần phát triển đất nước. Ngày này được khởi xướng vào năm 1989 bởi Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP), sau sự kiện dân số thế giới đạt mốc 5 tỷ người vào

ngày 11/7/1987. Đây là dịp để các quốc gia cùng đánh giá, thúc đẩy những chính sách dân số hiệu quả, đảm bảo quyền sinh sản và chất lượng cuộc sống cho mọi người dân, đặc biệt là phụ nữ và thanh thiếu niên.



Truyền thông Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại xóm Cà Lò, xã Khánh Xuân,

Vào năm 1994, tại Cairo, Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển, 179 quốc gia, trong đó có Việt Nam đã thông qua chương trình hành động với tầm nhìn sâu rộng trong lĩnh vực dân số và phát triển (ICPD). Các quốc gia đều đồng thuận với quan điểm cho rằng chúng ta cần đặt con người vào vị trí trung tâm và khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa dân số và phát triển. Việc lồng ghép đầy đủ các vấn đề dân số vào các chiến lược phát triển, vào công tác lập kế hoạch, ra các quyết định và phân bổ nguồn lực ở các cấp, vùng nhằm giải quyết hợp lý các chỉ tiêu dân số, bao gồm tỷ lệ tăng dân số, cơ cấu tuổi, mức sinh, mức chết, di cư... đều ảnh hưởng đến mọi khía cạnh của phát triển con người, kinh tế - xã hội.

Tại Việt Nam, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ năm 2007, nước ta bước vào thời kỳ dân số vàng. Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt. Tuổi thọ trung bình tăng nhanh, cao hơn nhiều nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người. Tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong bà mẹ, trẻ em giảm mạnh. Tầm vóc, thể lực người Việt Nam có bước cải thiện. Dân số đã có sự phân bố hợp lý hơn, gắn với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về DS - KHHGĐ của các cấp, các ngành và toàn dân có bước đột phá.

Chất lượng dân số Việt Nam ngày càng được cải thiện, tuổi thọ trung bình ngày càng tăng lên. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng 33,7 năm từ 40 tuổi (1960) lên 74,7 (2023). So với năm 2019, tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh của Việt Nam đã tăng lên 1,1 năm sau giai đoạn 5 năm. Tầm vóc thể lực của người Việt Nam có bước cải thiện. Từ năm 1993 đến nay, chiều cao trung

binh của thanh niên Việt Nam tăng thêm 6,6 cm, đạt 168,1 cm ở nam (2020) và 156,2 cm ở nữ.

Tuy nhiên, mức sinh trên toàn quốc có xu hướng giảm thấp dưới mức sinh thay thế và dự báo sẽ tiếp tục xuống thấp trong các năm tiếp theo. Tổng tỷ suất sinh năm 2024 là 1,91 con/phụ nữ, dưới mức sinh thay thế. Kể từ năm 2009 đến hết năm 2022, trong suốt gần 15 năm, mức sinh của Việt Nam giữ trạng thái tương đối ổn định xung quanh mức sinh thay thế. Tuy nhiên, trong 2 năm gần đây, 2023 - 2024, mức sinh của Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu giảm nhanh hơn (trong khi đó, mục tiêu Nghị quyết 21- NQ/TW đề ra là “Duy trì vững chắc mức sinh thay thế”). Theo dự báo, đến năm 2039, Việt Nam sẽ kết thúc thời kỳ dân số vàng, năm 2042 quy mô dân số trong độ tuổi lao động đạt đỉnh và sau năm 2054 dân số sẽ bắt đầu tăng trưởng âm. Hệ lụy của mức sinh thấp kéo dài sẽ dẫn đến thiếu hụt lực lượng lao động, suy giảm quy mô dân số, đẩy nhanh già hóa dân số, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội.

Theo đó, Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số vừa được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại phiên họp chiều 3/6 và có hiệu lực từ ngày 3/6/2025 nêu rõ mỗi cặp vợ chồng, cá nhân được quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh con phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng. Quy định này nhằm khắc phục tình trạng chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng, tránh để mức sinh giảm quá thấp, không đạt mức sinh thay thế - điều có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, an ninh và quốc phòng trong tương lai.

Thực hiện chính sách DS - KHHGD, tỉnh ban hành nhiều văn bản quan trọng để chỉ đạo triển khai thực hiện công tác dân số thống nhất trên địa bàn tỉnh theo định hướng chung của cả nước, trong đó tác động đến tất cả các lĩnh vực về quy mô dân số, chất lượng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số và quản lý dân số. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Ban chỉ đạo công tác dân số các cấp; sự phối hợp của các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị, xã hội đối với công tác dân số.

Hàng năm, Chi cục Dân số tham mưu Sở Y tế, Ban chỉ đạo công tác dân số tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động của BCD, Kế hoạch tổ chức thực hiện công tác dân số trên địa bàn toàn tỉnh. Đồng thời, tăng cường chỉ đạo, giám sát hỗ trợ cấp huyện, xã triển khai các hoạt động theo kế hoạch.

Để công tác DS - KHHGD phát triển bền vững, ngành Y tế tiếp tục thực hiện các giải pháp theo Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 15/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền và sự tham gia của toàn xã hội đối với công tác dân số; thực hiện chính sách về dân số. Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Đa dạng hóa các hình thức, phương pháp truyền thông giáo dục phù hợp với các

nhóm đối tượng. Vận động mọi thanh niên, đặc biệt là những người có nguy cơ cao trước khi kết hôn thực hiện việc tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân; phụ nữ mang thai thực hiện việc tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh; để mọi trẻ sinh ra đều được tầm soát, chẩn đoán, điều trị sơ sinh. Nâng cao chất lượng dân số; đưa tỷ số giới tính khi sinh dần về mức cân bằng tự nhiên; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý, góp phần phát triển nhanh và bền vững.

Hưởng ứng Ngày Dân số thế giới 11/7/2025, Chi cục Dân số đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân số trong tình hình mới; về lợi ích của việc sinh đủ 2 con; chuyển đổi hành vi về giới và bình đẳng giới, không lựa chọn giới tính thai nhi; truyền thông nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội; lợi ích và tầm quan trọng của việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn cho nam, nữ thanh niên; thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; phổ biến các quy định của pháp luật về cấm tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, tạo sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội trong việc thực hiện giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; ưu tiên truyền thông các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, bao gồm người dân tộc thiểu số, người di cư, người khuyết tật và những người bị ảnh hưởng bởi tác động của biến đổi khí hậu.

Tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng phù hợp với thực tế của địa phương như: hội nghị, hội thảo, mít tinh, diễn đàn, tọa đàm, cổ động, treo băng zôn tuyên truyền tại các trục đường phố; UBND các xã, phường và trạm y tế với các thông điệp, khẩu hiệu có nội dung tuyên truyền hưởng ứng Ngày Dân số thế giới 11/7; lồng ghép, kiểm tra giám sát các hoạt động hưởng ứng Ngày Dân số thế giới và các hoạt động truyền thông tại cơ sở...

Nguồn: Cổng thông tin điện tử Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

KỶ NIỆM 76 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG LỰC LƯỢNG THANH NIÊN XUNG PHONG (15/7/1950 – 15/7/2026)

Kỷ niệm 76 năm Ngày truyền thống lực lượng thanh niên xung phong (15/7/1950 - 15/7/2026)

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 đánh dấu tròn 76 năm Ngày truyền thống lực lượng Thanh niên xung phong Việt Nam (15/7/1950 – 15/7/2026). Đây là dịp để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cùng ôn lại những trang sử hào hùng của một lực lượng cách mạng đặc biệt – những người thanh niên đã hiến dâng tuổi xuân, trí tuệ và cả tính mạng vì độc lập, tự do của dân tộc, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trải qua 76 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng Thanh niên xung phong đã trở thành biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của tinh thần "Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên"; là trường

học lớn rèn luyện hàng triệu thanh niên Việt Nam trưởng thành, cống hiến cho đất nước. Truyền thống vẻ vang ấy tiếp tục được thế hệ trẻ hôm nay kế thừa, phát huy bằng những hành động thiết thực trong lao động, học tập, nghiên cứu khoa học, chuyển đổi số, bảo vệ chủ quyền quốc gia và xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Những năm tháng kháng chiến chống Pháp, rồi đến kháng chiến chống Mỹ và chiến tranh bảo vệ biên giới, hàng triệu thanh niên Việt Nam đã hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, Bác Hồ, tình nguyện gia nhập lực lượng Thanh niên xung phong. Họ là những người trẻ tuổi, với bầu nhiệt huyết sục sôi, không quản ngại gian khổ, hy sinh, xung phong đi đến những nơi khó khăn, nguy hiểm nhất.

Trong kháng chiến chống Pháp, Thanh niên xung phong đã mở đường, vận chuyển vũ khí, lương thực, thuốc men, phá bom mìn, làm cầu phà, phục vụ chiến đấu. Hình ảnh những đoàn Thanh niên xung phong với chiếc xe đạp thồ, gùi gánh lương thực, thực phẩm nặng trên vai, vượt qua mưa bom bão đạn, núi rừng hiểm trở đã trở thành biểu tượng cho ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc anh hùng.

Đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hàng vạn cô gái, chàng trai Thanh niên xung phong đã biến những tuyến đường Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh thành những huyết mạch không ngừng nghỉ dưới mưa bom bão đạn. Họ là những “cô gái mở đường”, “chàng trai giữ tuyến” với: Tinh thần dũng cảm, quên mình: Sẵn sàng lao vào điểm nóng, san lấp hố bom chỉ trong ít phút, tháo gỡ bom mìn, mở đường cho xe qua dù đối mặt với hiểm nguy cái chết cận kề. Tiêu biểu là huyền thoại về 10 cô gái Đồng Lộc hay sự hy sinh anh dũng của hàng ngàn Thanh niên xung phong trên các trọng điểm ác liệt. Trước những thách thức chưa từng có của chiến tranh, các Thanh niên xung phong đã không ngừng tìm tòi, nghĩ ra cách làm mới để đảm bảo thông đường, vận chuyển. Từ việc nguy trang đường sá, làm cầu phà cấp tốc đến những sáng kiến nhỏ nhưng hiệu quả trong sinh hoạt, chiến đấu. Đó là ý chí kiên cường, vượt qua khó khăn dù trong điều kiện thiếu thốn, gian khổ, bị sốt rét rừng hành hạ, bom đạn rình rập, họ vẫn giữ vững tinh thần lạc quan, yêu đời, tin tưởng vào chiến thắng. Những câu hò, điệu múa, tiếng hát át tiếng bom đã trở thành biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ Việt Nam. Đó là tinh thần đoàn kết, tình đồng đội luôn sẻ chia, đùm bọc, sát cánh bên nhau, coi đồng đội như anh em ruột thịt, cùng nhau vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Sau chiến tranh, lực lượng Thanh niên xung phong tiếp tục phát huy truyền thống, xung kích đi đầu trong công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại đất nước. Họ tham gia khai hoang phục hóa, xây dựng các công trình thủy lợi, đường sá, trường học, bệnh viện, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.



Kỷ niệm 76 năm Ngày truyền thống lực lượng Thanh niên xung phong là dịp để chúng ta cùng ôn lại trang sử hào hùng, tri ân những cống hiến to lớn của các thế hệ Thanh niên xung phong đi trước. Đó cũng là lời nhắc nhở đối với thế hệ trẻ hôm nay về trách nhiệm gìn giữ và phát huy những giá trị cao đẹp mà các thế hệ cha anh đi trước đã xây đắp. Thanh niên ngày nay, sống trong thời bình, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, với nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức. Để tiếp nối và phát huy tinh thần của các thế hệ TNXP thế hệ trẻ hiện nay cần:

Phát huy tinh thần dũng cảm, đối mặt với khó khăn thay vì đối mặt với bom đạn, thế hệ trẻ hôm nay cần dũng cảm đối mặt với những thách thức của tri thức, công nghệ mới, cạnh tranh toàn cầu. Dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với thất bại để vươn lên.

Thế hệ trẻ phát huy hơn nữa tư duy linh hoạt, sáng tạo: Trong một thế giới luôn biến đổi, khả năng thích ứng, đổi mới, tạo ra giá trị mới là chìa khóa. Hãy học tập và rèn luyện để trở thành những người có khả năng sáng tạo, thích ứng nhanh với khoa học công nghệ, đặc biệt là trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển tác động nhanh nhạy đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trau dồi, rèn luyện ý chí kiên cường, bền bỉ dù khó khăn trong học tập, công việc, khởi nghiệp hay đối mặt với áp lực xã hội đều cần một ý chí thép. Hãy học tập tinh thần bền bỉ của Thanh niên xung phong Trường Sơn, kiên trì theo đuổi mục tiêu dù gặp muôn vàn trở ngại nhưng với ý chí, quyết tâm và sức trẻ cùng vượt qua.

Phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cộng đồng trong một xã hội hiện đại, sự kết nối, sẻ chia và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng là vô cùng quan trọng. Hãy cùng nhau xây dựng môi trường sống văn minh, an toàn, hỗ trợ những người yếu thế, tham gia các hoạt động tình nguyện vì sự phát triển chung.

Trên hành trình xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tuổi trẻ Trường Quân sự Quân khu 7 đang tiếp tục viết tiếp truyền thống về

vang của các thế hệ Thanh niên xung phong bằng trí tuệ, nhiệt huyết và tinh thần đổi mới không ngừng. Đặc biệt hiện nay nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng đơn vị của nhà trường tiếp tục có những bước phát triển mới, yêu cầu ngày càng cao. Với tinh thần “Đoàn kết, kỷ cương, đột phá, sáng tạo, quyết thắng”. Thế hệ trẻ không ngừng phát huy truyền thống tốt đẹp của trường Quân sự Quân khu Anh hùng, quyết tâm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Đó cũng là cách để thế hệ trẻ của trường Quân sự Quân khu 7 hôm nay tiếp bước truyền thống, tô thắm thêm hình ảnh cao đẹp bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ mới.

Truyền thống Thanh niên xung phong mãi mãi là ngọn lửa thắp sáng lý tưởng cách mạng, hun đúc tinh thần yêu nước và ý chí công hiến của tuổi trẻ Việt Nam. Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, mỗi đoàn viên, thanh niên cần tiếp tục phát huy tinh thần xung kích, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; biến khát vọng thành hành động, biến trí tuệ thành sức mạnh, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc.

Phát huy truyền thống 76 năm vẻ vang của lực lượng Thanh niên xung phong, tuổi trẻ Việt Nam nguyện đoàn kết một lòng, tiếp tục viết nên những trang sử mới bằng trí tuệ, bản lĩnh, khát vọng và tinh thần công hiến, xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, góp phần đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển mới./.

Trung tá, ThS Nguyễn Đăng Đồ - Tiểu đoàn 4

Nguồn: Trường Quân sự Quân khu 7

17/7/1966: NGÀY HỒ CHỦ TỊCH RA LỜI KÊU GỌI “KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO”

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do” - giá trị vĩnh hằng của Tư tưởng Hồ Chí Minh

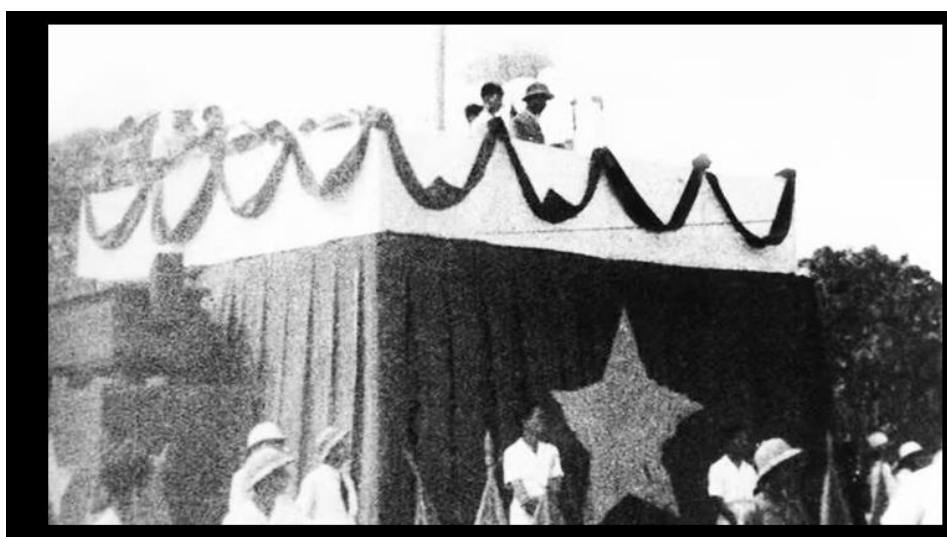
“Không có gì quý hơn độc lập, tự do” - câu nói bất hủ ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vang lên trên làn sóng phát thanh từ Thủ đô Hà Nội vào tháng 7/1966, trong thời điểm miền bắc đang gồng mình trước bom đạn chiến tranh, còn miền nam chìm trong máu lửa. Đây không chỉ là khẩu hiệu kháng chiến, mà là tuyên ngôn bất diệt về quyền sống và khát vọng làm người của một dân tộc từng trải qua hàng nghìn năm mất nước, chia cắt và hy sinh.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, chân lý ấy vẫn là ánh sáng soi đường, là điểm tựa tinh thần, là ngọn cờ tư tưởng dẫn dắt dân tộc ta vững bước trên hành trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam độc lập, tự chủ, hùng cường và hạnh phúc.

Một chân lý từ trái tim và hành trình dân tộc

Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” không phải hình thành từ lý thuyết hay sách vở, mà kết tinh từ thực tiễn đau thương và anh dũng của dân tộc Việt Nam, cũng như từ hành trình 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước của người thanh niên mang tên Nguyễn Văn Ba, tiếp đó là Nguyễn Ái Quốc - sau này trở thành Hồ Chí Minh.

Ngay từ năm 1919, trong bản yêu sách gửi Hội nghị Versailles, Nguyễn Ái Quốc đã lên tiếng đòi quyền tự do, bình đẳng cho dân tộc Việt Nam. Sau đó, trong quá trình đi qua nhiều nước thuộc địa và đế quốc, Người nhận thấy: Không có con đường nào khác ngoài con đường giải phóng dân tộc để nhân dân có quyền làm chủ vận mệnh của mình. Hồ Chí Minh từng viết: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đây là tất cả những điều tôi muốn, đây là tất cả những điều tôi hiểu”. Câu nói ấy chính là hạt nhân tư tưởng mà sau này được kết tinh thành chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.



*Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
Ảnh tư liệu*

Kết tinh giữa chủ nghĩa yêu nước và tinh thần giải phóng dân tộc

Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” là sự kết tinh giữa chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với tinh thần giải phóng dân tộc, giữa bản lĩnh kiên cường của truyền thống dân tộc với khát vọng làm chủ của con người hiện đại. Hồ Chí Minh không đối lập độc lập dân tộc với tự do cá nhân - ngược lại, Người coi đó là hai mặt không thể tách rời. “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” - một tuyên ngôn vượt thời đại, đặt con người làm trung tâm của mọi giá trị.

Điều đó cho thấy độc lập - tự do không chỉ là lý tưởng quốc gia, mà còn là quyền con người thiêng liêng. Đó là quyền được mưu cầu hạnh phúc, được sống có nhân phẩm, được đóng góp cho xã hội trong điều kiện bình đẳng, không bị áp bức và lệ thuộc. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm “tự do” không mang tính trừu tượng mà rất cụ thể: Là “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học

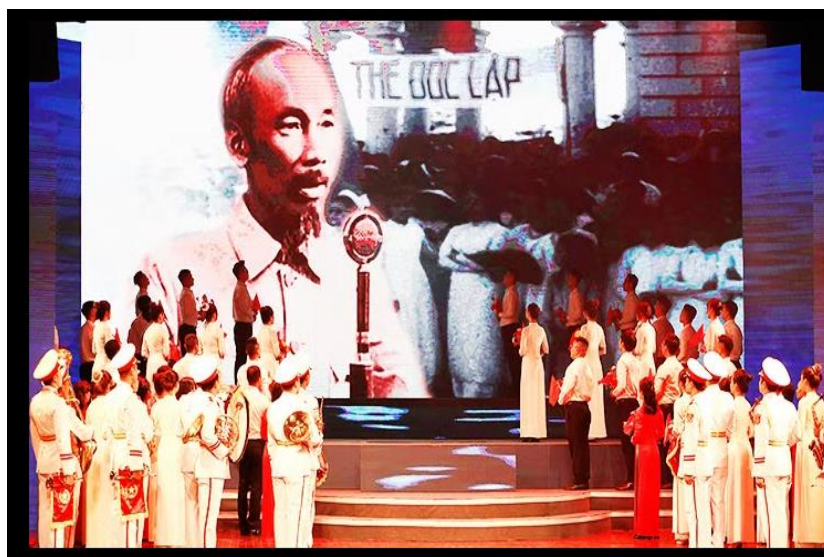
hành”. Đó là tự do sinh kế, tự do tri thức, tự do phát triển bản thân trong một đất nước độc lập, có pháp luật bảo vệ và có công lý bảo đảm.

Ngọn đuốc soi đường cách mạng Việt Nam

Tư tưởng ấy đã trở thành kim chỉ nam cho toàn thể dân tộc Việt Nam đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám, chiến đấu trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Cũng nhờ ngọn đuốc tư tưởng đó, nhân dân ta đã huy động được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, biến một dân tộc nghèo, bị đô hộ thành một quốc gia đánh thắng hai cường quốc thực dân - đế quốc. Tư tưởng ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho những bà mẹ tiễn con ra trận, cho những người lính cảm tử vì Tổ quốc, cho lớp lớp thanh niên nối nhau lên đường với niềm tin sắt đá rằng độc lập, tự do là lẽ sống tối cao.

Không thể nào quên những trang sử lẫm liệt mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã làm bùng sáng. Dưới ngọn cờ độc lập - tự do, chúng ta đã giành được chủ quyền dân tộc, thống nhất non sông và đưa đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế với thế và lực ngày càng lớn mạnh.



Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của Bác Hồ là ngọn lửa soi đường trong hành trình xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc. Ảnh: LÊ MINH

Giá trị thời đại của một tư tưởng vĩnh hằng

Ngày nay, khi đất nước không còn chiến tranh, thì độc lập - tự do không chỉ là chủ quyền lãnh thổ hay thể chế chính trị, mà còn là năng lực làm chủ trong phát triển, là khả năng tự cường về kinh tế, công nghệ, văn hóa và giá trị sống. Đó là quyền của người dân được khởi nghiệp, được cất lên tiếng nói xây dựng chính sách, được tiếp cận thông tin, tri thức và cơ hội vươn lên.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, độc lập - tự do không chỉ là nguyên tắc đối nội mà còn là bản lĩnh đối ngoại. Đó là quyền chọn con đường phát triển phù hợp, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc mà không rơi vào lệ thuộc hay bị áp đặt. Tư tưởng Hồ Chí Minh vì vậy không chỉ thuộc về quá khứ, mà còn là kim chỉ nam cho hôm nay và cả tương lai.

Với thể hệ trẻ, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” không chỉ là một khẩu hiệu mang tính biểu tượng, mà là lời nhắc nhở về trách nhiệm công dân và khát vọng đóng góp. Đó là động lực để dân thân, sáng tạo, vươn lên vì một đất nước độc lập, hùng cường và nhân văn. Chúng ta được sống trong hòa bình, được học hành, lập thân, lập nghiệp là nhờ có nền tảng vững chắc của độc lập - tự do mà bao thế hệ cha ông đã đánh đổi bằng máu xương.

Đặc biệt, tư tưởng đó đang được tiếp nối một cách sinh động trong chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm khi nhấn mạnh rằng: “Phải đột phá thể chế, pháp luật để đất nước vươn mình”. Bởi vì thể chế không chỉ là công cụ điều hành quản lý, mà còn là không gian phát huy quyền làm chủ của nhân dân - là hiện thân cụ thể nhất của tự do trong một nhà nước pháp quyền hiện đại. Cũng theo Tổng Bí thư, đổi mới pháp luật không chỉ nhằm hoàn thiện hệ thống quy phạm, mà còn phải “giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực, phát huy mọi tiềm năng, thể mạnh của đất nước, tận dụng mọi cơ hội phát triển” - tức là làm cho tinh thần độc lập, tự chủ lan tỏa vào từng lĩnh vực của đời sống quốc gia.

Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” vì vậy không dừng lại ở giá trị truyền thống mà đang được làm mới trong thời đại chuyển đổi số, hội nhập sâu rộng và cạnh tranh toàn cầu. Đó là tự do sáng tạo, là độc lập trong tư duy phát triển, là khát vọng xây dựng một thể chế thật sự của dân, do dân và vì dân.

Sống mãi với thời gian

Tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh của lương tri nhân loại, là tuyên ngôn thiêng liêng của một dân tộc từng bị nô lệ, nhưng chưa bao giờ khuất phục. Đó không chỉ là một giá trị lịch sử, mà là ngọn lửa soi đường cho hiện tại và tương lai. Trong hành trình xây dựng một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, công bằng và văn minh, tư tưởng ấy vẫn là điểm tựa tinh thần bất diệt.

Chúng ta có thể hiện đại hóa đất nước bằng công nghệ và vốn đầu tư, nhưng nếu mất đi tinh thần độc lập, lòng yêu nước và khát vọng tự do, thì chúng ta sẽ đánh mất linh hồn của dân tộc. Ngược lại, nếu biết kế thừa và phát triển tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” trong bối cảnh mới - như lời Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: Phải biến thể chế thành động lực, pháp luật thành bệ đỡ - thì dân tộc Việt Nam sẽ không chỉ tồn tại, mà còn vươn mình mạnh mẽ trên bản đồ thế giới, đúng như ý chí sắt đá Hồ Chí Minh từng gửi gắm trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1945: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”.

Câu nói “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” không chỉ được khắc ghi trong các văn bản chính trị-pháp lý, mà còn được khắc sâu trong trái tim mỗi người dân Việt Nam như một lời thề thiêng liêng.

Nguồn: Báo Nhân Dân

20/7/1954: NGÀY KÝ HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ

Ý nghĩa và những bài học lịch sử của Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương năm 1954

TCCS - Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam không chỉ là mốc son quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, mà còn là sự kiện có ý nghĩa lịch sử, là thành quả của “trận đánh” lớn đầu tiên trên vũ đài quốc tế của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Bảy mươi năm đã trôi qua, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi, song ý nghĩa và những bài học từ Hội nghị lịch sử này vẫn vẹn nguyên giá trị.



Ngày 4-5-1954, Phái đoàn ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn, đến Geneva (Thụy Sĩ) tham dự Hội nghị Geneva về Đông Dương, sau những diễn biến tích cực về chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam tại Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ảnh: Tư liệu TTXVN

Bối cảnh dẫn đến Hội nghị Giơ-ne-vơ và ý đồ của các bên

Bối cảnh quốc tế

Vào những năm 50 của thế kỷ XX, nhằm thực hiện chiến lược toàn cầu “ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản”, chủ nghĩa đế quốc - đứng đầu là đế quốc Mỹ - đã đẩy mạnh chiến lược quân sự “trả đũa ô ạt” và chính sách ngoại giao “bên miệng hố chiến tranh”, để bao vây Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Sau thành công của cách mạng Trung Quốc năm 1949, so sánh tương quan lực lượng trên thế giới phần nào có lợi cho các lực lượng cách mạng. Phe

xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, với liên minh Liên Xô - Trung Quốc làm nòng cốt, được củng cố. Hai nước đẩy mạnh phát triển kinh tế theo kế hoạch dài hạn.

Phe xã hội chủ nghĩa đoàn kết, nhất trí giương cao ngọn cờ chống đế quốc, bảo vệ hòa bình thế giới và ủng hộ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc. Xu hướng trung lập tích cực không tham gia các liên minh quân sự của Mỹ và phương Tây được đẩy mạnh.

Chiến tranh lạnh do Mỹ phát động nhằm chống Liên Xô bước vào giai đoạn phát triển cao. Hai phe đều coi trọng tập hợp lực lượng và đấu tranh với nhau quyết liệt. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, hai phe lại đi vào hòa hoãn. Chiến tranh Triều Tiên (1950 - 1953) là một trong những cuộc chiến tranh lớn, khốc liệt, có nhiều nước tham gia nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đồng thời là kết quả của tình trạng căng thẳng giữa hai phe trong Chiến tranh lạnh. Ngày 27-11-1953, hiệp định ngừng bắn được ký kết ở Bàn Môn Điếm - ngôi làng nằm giữa biên giới Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và Hàn Quốc - quy định trở lại nguyên trạng Khu phi quân sự liên Triều (DMZ) ngăn cách hai miền Triều Tiên và trao trả tù binh tại vĩ tuyến 38.

Chiến tranh Triều Tiên kết thúc cho thấy các cuộc xung đột quân sự ở Viễn Đông có thể giải quyết được bằng con đường chính trị, đó là xu thế hòa hoãn giữa các cường quốc. Ngày 25-1-1954, tại khu vực do Mỹ kiểm soát ở Thủ đô Béc-lin (Đức), diễn ra Hội nghị bốn bên giữa Anh, Pháp, Mỹ và Liên Xô, nhằm giải quyết việc thống nhất nước Đức, vấn đề nước Áo. Đây là cuộc gặp đầu tiên giữa các nước lớn kể từ năm 1949. Ngày 18-2-1954, hội nghị kết thúc mà không đạt được thỏa thuận nào về hai vấn đề trên. Tuy nhiên, bốn nước đã nhất trí triệu tập một hội nghị tại Thủ đô Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) về vấn đề Triều Tiên và Đông Dương.

Tình hình trên chiến trường

Tại Đông Dương, sau Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, Chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950, Chiến dịch Tây Bắc năm 1952..., ta ngày càng khẳng định được thế chủ động chiến lược, nhất là trên chiến trường miền Bắc. Mặc dù được sự can thiệp, hỗ trợ của Mỹ, quân Pháp vẫn tiếp tục lún sâu vào thế bị động, sa lầy, đứng trước những thất bại to lớn. Để cải thiện tình hình, Pháp đề ra Kế hoạch Na-va (tháng 7-1953) với hy vọng giành lấy một thắng lợi quân sự quyết định trong vòng 18 tháng, buộc Việt Nam thương lượng theo điều kiện của Pháp. Tuy nhiên, quân và dân ta càng đánh càng mạnh, nắm vững quyền chủ động trên các chiến trường. Sau những thất bại về quân sự, cục diện chiến trường diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho quân Pháp, buộc thực dân Pháp thay đổi kế hoạch, xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ở Tây Bắc Việt Nam. Điện Biên Phủ được coi là cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, “pháo đài quân sự bất khả xâm phạm”, sẵn sàng “nghiền nát” lực lượng bộ đội chủ lực của Việt Nam.

Trong bối cảnh lịch sử phức tạp lúc đó, trên cơ sở dự đoán chính xác âm mưu của thực dân Pháp, phân tích so sánh lực lượng giữa ta và địch và khả năng

diễn biến của chiến tranh, Bộ Chính trị đã họp và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 56 ngày đêm chiến đấu, hy sinh gian khổ, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ kết thúc với thắng lợi hoàn toàn thuộc về nhân dân Việt Nam.

Quan điểm của Việt Nam

Ngay từ trước khi bước vào Chiến dịch Điện Biên Phủ, ngày 26-11-1953, trả lời phỏng vấn báo *Expressen* của Thụy Điển, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó... Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam”⁽¹⁾.

Quan điểm của Pháp

Chiến tranh kéo dài khiến tình hình kinh tế - xã hội Pháp ngày càng gặp khó khăn; phong trào nhân dân Pháp chống chiến tranh phát triển mạnh mẽ, lan rộng, làm rung chuyển dữ dội nội bộ xã hội và dân tình nước Pháp⁽²⁾; cùng lúc đó, Đảng Cộng sản Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội nước này. Giới cầm quyền Pháp cũng phân hóa thành hai phái: phái chủ hòa và phái chủ chiến. Ngày 20-10-1953, Quốc hội Pháp thảo luận về vấn đề Đông Dương. Nhiều nghị sĩ trong Quốc hội Pháp đã yêu cầu Chính phủ Pháp đàm phán ngay với Chính phủ Việt Nam, khiến Thủ tướng Pháp Giô-xép La-ni-en (Joseph Laniel) phải tuyên bố sẽ nghiên cứu về mọi đề nghị của Việt Nam, không từ chối thương lượng. Trong tình hình phức tạp đó, Chính phủ Pháp quyết định vừa tiến hành chiến tranh, vừa tìm kiếm thương lượng để cứu quân đội viễn chinh Pháp, không giữ toàn bộ Đông Dương như cũ, chỉ giữ một số quyền lợi. Ngày 10-3-1954, Quốc hội Pháp hoan nghênh việc bốn cường quốc, bao gồm Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, nhất trí triệu tập Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Quan điểm của các nước lớn tham gia Hội nghị

Vào thời điểm đó, Liên Xô cần hòa bình để xây dựng đất nước và củng cố Đông Âu, thúc đẩy lợi ích chiến lược của mình. Trọng tâm chiến lược của Liên Xô là ngăn chặn sự phục hồi của chủ nghĩa phát-xít Đức ở khu vực châu Âu nên cần tranh thủ Pháp. Ở khu vực Đông Nam Á, Liên Xô có rất ít ảnh hưởng. Do đó, Liên Xô đã điều chỉnh chiến lược đối ngoại, đẩy mạnh hòa hoãn quốc tế nhằm củng cố lực lượng trong nước, tiến hành chạy đua với Mỹ để giành ưu thế trên các lĩnh vực.

Trong khi đó, chiến lược của Mỹ là ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt sau khi cách mạng Trung Quốc thành công vào năm 1949. Đông Dương là khu vực giàu nguồn tài nguyên thiên nhiên và nằm trong phòng tuyến chiến lược thiết yếu cho lợi ích an ninh của Mỹ, đồng thời là “chìa khóa” của khu vực Đông Nam Á. Do vậy, Mỹ xem Đông Dương và Triều Tiên là hai sườn của một mặt trận chống chủ nghĩa cộng sản ở châu Á, mà trung tâm là Trung Quốc. Theo “học thuyết đô-mi-nô”⁽³⁾, bảo vệ được miền Bắc Việt Nam là “chìa khóa” giữ khu vực Đông Nam Á khỏi rơi vào tay cộng sản. Ban đầu, chính sách của Mỹ là

can thiệp vào Đông Dương, tiếp đến là quốc tế hóa chiến tranh thông qua khối quân sự Đông Nam Á. Do không được Anh, Pháp ủng hộ thành lập khối quân sự Đông Nam Á nên Mỹ buộc phải chấp nhận triệu tập Hội nghị về Đông Dương.

Là quốc gia nắm giữ nhiều lợi ích và ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á, tuy nhiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Anh ngày càng suy yếu, phải từ bỏ nhiều thuộc địa. Anh không tán thành học thuyết Đô-mi-nô của Mỹ. Anh muốn ngăn chặn cách mạng Đông Dương ảnh hưởng đến Khối thịnh vượng chung, nhưng quan ngại Mỹ tăng cường can thiệp và đẩy Anh khỏi khu vực Đông Nam Á. Ngoài ra, Anh cũng lo ngại Trung Quốc can thiệp vào khu vực Đông Nam Á và việc Trung Quốc, Liên Xô tăng cường hợp tác. Hơn nữa, nhận thấy Pháp sẽ sớm đầu hàng Việt Minh, vì vậy Anh muốn nhanh chóng chấm dứt chiến tranh, chia cắt lâu dài Việt Nam và thiết lập phòng tuyến mới.

Để triển khai kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế - xã hội, đặt nền móng xây dựng chủ nghĩa xã hội, Trung Quốc mong muốn đạt được giải pháp hòa bình ở Đông Dương, tạo môi trường hòa bình ổn định ở khu vực châu Á, an ninh phía nam đất nước; thúc đẩy chính sách cùng tồn tại hòa bình. Do đó, tham dự hội nghị quốc tế lớn quan trọng đầu tiên sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, với sự hiện diện của các cường quốc là dịp để Trung Quốc xác lập vai trò trong giải quyết những vấn đề quốc tế, trước hết là ở châu Á. Đồng thời, mở rộng tiếp xúc chính trị, thương mại quốc tế nhằm phá thế bao vây, cấm vận mà Mỹ áp đặt chống Trung Quốc kể từ năm 1951, sau khi Trung Quốc gửi quân tình nguyện giúp Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Mặt khác, Trung Quốc là một trong những nước xã hội chủ nghĩa viện trợ tích cực cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, do đó Trung Quốc cần nhanh chóng chấm dứt chiến tranh để tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh từ phía nam đất nước⁽⁴⁾.

Có thể thấy, thất bại chiến lược của Pháp trên chiến trường Đông Dương, nhất là tại cứ điểm Điện Biên Phủ và xu thế hòa hoãn giữa các nước lớn được xem là nhân tố quyết định dẫn đến Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương năm 1954.



Ngày 21-7-1954 (giờ Hà Nội), Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu thay mặt Chính phủ và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ký Hiệp định đình chiến ở Việt Nam. Ngay sau đó, Hiệp định đình chiến ở Lào và Campuchia cũng được ký kết. Ảnh: Tư liệu TTXVN

Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của Hội nghị

Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương năm 1954 trải qua ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất: từ ngày 8-5 đến 19-6-1954; giai đoạn thứ hai: từ ngày 20-6 đến 10-7-1954; giai đoạn thứ ba: từ ngày 11-7 đến 21-7-1954; với 75 ngày thương lượng, đàm phán căng thẳng, bao gồm 7 phiên họp rộng và 24 phiên họp cấp trưởng đoàn cùng các hoạt động tiếp xúc ngoại giao dồn dập phía sau các hoạt động công khai. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô V. Mi-khai-lô-vích Mô-lô-tốp và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh An-thô-ni Ê-đen (Anthony Eden) đồng chủ tịch hội nghị. Các trưởng đoàn các nước tham dự hội nghị là bộ trưởng bộ ngoại giao hoặc thủ tướng kiêm bộ trưởng bộ ngoại giao. Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm quyền Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu tham dự hội nghị.

Hội nghị đã ký kết ba hiệp định đình chỉ chiến sự tại Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia và thông qua Tuyên bố chung bao gồm 13 điểm, với sự nhất trí của bảy đoàn đại biểu, trừ Mỹ và Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Pháp dựng lên. Nội dung cơ bản của Tuyên bố chung là các nước tham gia Hội nghị Giơ-ne-vơ tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; tuyệt đối không can thiệp vào nội trị các nước đó; ngừng bắn trên toàn bộ chiến trường Đông Dương; quân đội Liên hiệp Pháp rút khỏi Đông Dương trong thời hạn 300 ngày; vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm hai vùng tập kết quân đội; sau 2 năm sẽ tiến hành tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7-1956 để thống nhất nước Việt Nam. Ủy ban Giám sát quốc tế, bao gồm Ba Lan, Ấn Độ và Ca-na-đa, sẽ được thành lập nhằm giám sát việc thi hành các điều khoản của Hiệp định.

Từ những điều khoản trên, có thể khẳng định, Hiệp định Giơ-ne-vơ có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng ba nước Đông Dương nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng và ý nghĩa của nó được thể hiện dưới nhiều góc độ. *Một là*, nếu trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, Pháp chỉ công nhận Việt Nam là quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp và luôn khẳng định quyền lợi của Pháp ở Nam Bộ thì đến Hiệp định Giơ-ne-vơ, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam đã được Pháp và các quốc gia khác thừa nhận. Pháp phải rút quân để lập lại hòa bình ở Đông Dương. *Hai là*, theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, miền Bắc Việt Nam hoàn toàn được giải phóng, trở thành căn cứ địa cách mạng, hậu phương lớn của cách mạng miền Nam. Đồng thời, Hiệp định đặt cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước sau này.

Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơ-ne-vơ còn có ý nghĩa quốc tế to lớn và mang tính thời đại sâu sắc; mở đầu cho quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới, làm thay đổi cục diện thế giới và khu

vực, thúc đẩy phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đòi độc lập dân tộc. Nhấn mạnh về ý nghĩa quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, Hội nghị Giơ-ne-vơ “ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc khắp thế giới đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn”⁽⁵⁾. Hội nghị là cơ sở chính trị - pháp lý quốc tế quan trọng để nhân dân Việt Nam đấu tranh trên mặt trận chính trị, ngoại giao, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, độc lập và dân chủ trong toàn quốc.

Tuy nhiên, theo nhận định của một số chuyên gia, Hiệp định Giơ-ne-vơ chưa phản ánh đầy đủ thắng lợi của nhân dân Việt Nam nói riêng, nhân dân ba nước Đông Dương nói chung trên chiến trường và xu thế của cuộc chiến tranh. Cả Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia đều có phần chịu ảnh hưởng bởi sự chi phối của xu thế hòa hoãn và sự thỏa hiệp. Đó là, việc xác định ranh giới quân sự tạm thời và phân chia khu vực tập kết chuyển quân ở Việt Nam không phải vĩ tuyến 13 hay vĩ tuyến 16 theo phương án đấu tranh của Việt Nam, mà là vĩ tuyến 17. Hội nghị đã quyết định những vấn đề liên quan đến các lực lượng kháng chiến ở Lào và Cam-pu-chia mà không có sự tham gia của các chính phủ kháng chiến ở hai nước này. Thời hạn tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam không phải là 6 tháng như đề nghị của Việt Nam, mà là 2 năm. Về việc thi hành, trên thực tế Hiệp định Giơ-ne-vơ chỉ được thực hiện một phần, đó là: chấm dứt chiến tranh, khôi phục hòa bình ở Đông Dương; tập kết, chuyển quân theo khu vực và thời gian quy định. Sau này, việc tổng tuyển cử thống nhất nước Việt Nam đã không thể thực hiện do chính sách can thiệp và xâm lược của Mỹ. Tóm lại, bối cảnh lịch sử và nhất là tương quan lực lượng lúc đó chưa cho phép Việt Nam giành thắng lợi cuối cùng. Thế nhưng, với quyết tâm giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước, đến năm 1973 với Hội nghị Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử cách mạng.



Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đại biểu tham quan trưng bày ảnh về Hiệp định Geneva tại Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày ký Hiệp định Geneva về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam _Ảnh: TTXVN

Bài học kinh nghiệm từ đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ

Hội nghị Giơ-ne-vơ là cuộc thương lượng đa phương lớn đầu tiên mà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia, đã để lại nhiều bài học vô giá cho nền ngoại giao Việt Nam.

Thứ nhất, kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Mặc dù chiến thắng Điện Biên Phủ đã giáng đòn quyết định, đập tan dã tâm xâm lược của các thế lực đế quốc, thực dân hiếu chiến, buộc Chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, mở ra trang mới cho cách mạng Việt Nam, song khi Việt Nam tham dự Hội nghị Giơ-ne-vơ cũng phải đối mặt với nhiều thách thức. Hội nghị chịu sự chi phối của năm nước lớn tham gia đàm phán và mỗi nước lớn tham gia hội nghị đều có mục tiêu và lợi ích riêng. Ở đó, “các cường quốc đã tự thỏa thuận phần lớn các điều khoản trong hiệp định mà không cần tính đến phản ứng của các nước Đông Dương”⁽⁶⁾. Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn và phức tạp đó, Đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa luôn kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở phát huy chiến thắng trên chiến trường, sức mạnh chính nghĩa của dân tộc, kiên định về nguyên tắc, nhưng mềm dẻo về sách lược để giành được những kết quả quan trọng. Sau hội nghị, vị thế của Việt Nam được củng cố và nâng cao đáng kể. Trong giai đoạn từ sau Hội nghị Giơ-ne-vơ đến năm 1973, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 36 quốc gia, trong khi trước đó mới thiết lập quan hệ ngoại giao với 9 nước xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, chấp nhận tham gia cuộc thương lượng nhiều bên do các nước lớn triệu tập, chi phối. Ngày 26-11-1953, trong cuộc trả lời phỏng vấn báo *Expressen* (Thụy Điển) liên quan đến vấn đề thương lượng tại Hội nghị Giơ-ne-vơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu bốn nội dung lớn, trong đó nội dung thứ tư nhấn mạnh: “Nếu có những nước trung lập nào muốn cố gắng để xúc tiến việc chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam bằng cách thương lượng, thì sẽ được hoan nghênh, nhưng việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Chính phủ Pháp”⁽⁷⁾. Có thể thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn được trước vấn đề. Tuy nhiên, bối cảnh lịch sử lúc đó chưa cho phép Việt Nam giành thắng lợi cuối cùng, nên cuộc chiến đấu vì độc lập, tự do trọn vẹn của dân tộc Việt Nam vẫn còn tiếp diễn. Bài học kinh nghiệm từ Hội nghị Giơ-ne-vơ giúp Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam vững vàng hơn, độc lập, tự chủ hơn, để đến Hội nghị Pa-ri năm 1973, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến hành đàm phán trực diện với Mỹ. Tại Hội nghị Pa-ri, sự độc lập, tự chủ của Việt Nam thể hiện rõ, từ thành phần, nội dung, thời gian đàm phán đến hình thức đàm phán...; không để bất kỳ nước nào can thiệp vào cuộc đàm phán.

Thứ ba, độc lập, tự chủ và đoàn kết, hợp tác quốc tế. Đây là tư tưởng lớn, quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người khẳng định: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”⁽⁸⁾. Nói chuyện với các nhà ngoại giao (tháng 1-1964), Người nhấn mạnh: cái gốc, cái điểm mấu chốt về chính trị, quân sự, kinh tế, nội chính, ngoại

giao của ta là tự lực cánh sinh. Tuy nhiên, độc lập, tự chủ không có nghĩa là biệt lập, cô lập, trái lại gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế.

Tại Hội nghị Giơ-ne-vơ, do lần đầu tham gia đàm phán đa phương, đoàn đại biểu Việt Nam chưa có chiến lược, sách lược đàm phán rõ ràng, mà chỉ tập trung vào mục tiêu đàm phán. Các bước cụ thể liên quan đến phương án đàm phán, thời điểm mở đầu và kết thúc đàm phán, phân công phối hợp các lực lượng trong đàm phán... luôn bị các nước lớn can thiệp và tác động. Trong khi đó, đoàn Việt Nam còn thiếu nhiều phương tiện vật chất cần thiết, nhất là thông tin. Khi đưa ra các quyết sách, nhiều khi phải dựa vào đánh giá tình hình của các nước bạn bè. Những điều đó ảnh hưởng rất lớn tới nỗ lực làm chủ tiến trình đàm phán, giữ vững thế chủ động tiến công trong quá trình hội nghị. Chính vì vậy, hoạt động ngoại giao phải nhất quán nguyên tắc độc lập, tự chủ, bởi mỗi quốc gia, kể cả quốc gia đồng minh thân cận cũng đều xử lý vấn đề quốc tế trên cơ sở lợi ích quốc gia của họ.

Thứ tư, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị - ngoại giao. Sức mạnh của ngoại giao phụ thuộc vào sức mạnh tổng hợp quốc gia. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”⁽⁹⁾ nên “muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực”⁽¹⁰⁾. Về quan hệ biện chứng giữa ngoại giao và quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội: Thắng lợi quân sự ảnh hưởng quyết định đối với ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét: “đánh thắng lợi thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng nhưng cái chính là mình phải đánh thắng”⁽¹¹⁾. Ngược lại, thắng lợi ngoại giao tác động đến chiến trường. Qua mấy năm kháng chiến, Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ mới đã thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chắc chắn cuộc thắng lợi chính trị ấy sẽ là cái đà cho những thắng lợi quân sự sau này⁽¹²⁾.

Thứ năm, coi trọng nghiên cứu chiến lược. Nghiên cứu chiến lược là nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện, sâu xa về lịch sử và dự báo triển vọng. Do nhiều nguyên nhân, nên việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ với những điều khoản được nhiều ý kiến đánh giá là không hoàn toàn thỏa đáng về phía Việt Nam, chưa ngang tầm với thắng lợi của Việt Nam trên chiến trường. Rút kinh nghiệm thương lượng tại Hội nghị Giơ-ne-vơ, trong đàm phán với Mỹ tại Thủ đô Pa-ri (Pháp) về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam, đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đặc biệt coi trọng nghiên cứu chiến lược và đã xây dựng được cơ quan nghiên cứu chiến lược hiệu quả phục vụ “đánh” và “đàm”.

Nhìn lại chặng đường lịch sử 70 năm qua kể từ khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, có thể thấy rõ, con đường đi đến độc lập, tự do, thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam không phải là con đường thẳng tắp, mà phải trải qua những chặng đường, khúc quanh lịch sử. Tình hình thế giới, khu vực cũng như vị thế của Việt Nam hiện nay đã nhiều đổi thay. Chiến tranh lạnh đã chấm dứt hơn 30 năm, tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng gia tăng, tính tùy thuộc lẫn nhau

giữa các nước ngày càng cao; hòa bình, hợp tác và phát triển đã trở thành xu thế và khát vọng to lớn của các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Tuy nhiên, những tác động phức tạp của tình hình thế giới luôn biến động, xoay vần, vẫn đặt ra những thách thức không nhỏ đến an ninh và phát triển của đất nước Việt Nam nói chung và mặt trận đối ngoại nói riêng. Trong bối cảnh mới hiện nay, để hoàn thành tốt trọng trách của mình, ngoại giao Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, phát huy và vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm quý báu của Hội nghị Giơ-ne-vơ mà lịch sử đã khắc ghi./.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 8, tr. 340

(2) Hoàng Minh Thảo: “Chiến thắng Điện Biên Phủ với Hội nghị Giơ-ne-vơ”, trong Vũ Dương Huân (Chủ biên) *Hiệp định Giơ-ne-vơ: 50 năm nhìn lại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr. 42

(3) Trong cuộc họp báo ngày 7-4-1954, Tổng thống Mỹ D. Ai-xen-hao đã đề ra “học thuyết Đô-mi-nô”, trong đó quan niệm rằng việc Pháp để cho vùng Đông Dương của Pháp “thất thủ” trước chủ nghĩa cộng sản sẽ tạo nên “hiệu ứng đô-mi-nô” (phản ứng dây chuyền trên toàn khu vực Đông Nam Á).

(4) Trần Quang Cơ: “Ý đồ chiến lược và lợi ích của năm nước lớn tại Hội nghị Giơ-ne-vơ”, trong Vũ Dương Huân (Chủ biên): *Hiệp định Giơ-ne-vơ: 50 năm nhìn lại*, *Sđd*, tr. 46 - 48

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 14, tr. 315

(6) Vũ Quang Hiến: “Hiệp định Giơ-ne-vơ - 50 năm nhìn lại”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, tháng 7-2004, tr. 16

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 8, tr. 341

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 162

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 4, tr. 147

(10) *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 27

(11) Bộ Ngoại giao: *Bác Hồ và hoạt động ngoại giao. Một vài kỷ niệm về Bác*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 72

(12) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 423 - 424

Nguồn: Tạp Chí Cộng Sản

27/7/1947: NGÀY THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

Kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ: Tập trung cao độ nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm

(Chinhphu.vn) - Văn phòng Chính phủ vừa ban hành Thông báo 314/TB-VPCP ngày 19/6/2026 kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh

Trà tại Hội nghị Ban Chỉ đạo triển khai các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2027).



Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà chủ trì Hội nghị Ban Chỉ đạo triển khai các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà, Trưởng Ban Chỉ đạo triển khai các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2027) (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) đã chủ trì Hội nghị của Ban Chỉ đạo.

Tại Thông báo kết luận, Phó Thủ tướng đánh giá các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã tập trung triển khai quyết liệt Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 692/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận.

Kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ là sự kiện chính trị, lịch sử, nhân văn đặc biệt quan trọng cấp quốc gia, là dịp tôn vinh sự hy sinh to lớn của các anh hùng liệt sĩ và người có công với cách mạng; đồng thời là động lực bồi đắp lòng yêu nước, giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Do vậy, Phó Thủ tướng đề nghị các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo cùng với các bộ, cơ quan, địa phương quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc các quan điểm, yêu cầu sau:

Xác định công tác chăm sóc, tri ân người có công là nhiệm vụ chính trị trọng đại, thường xuyên và lâu dài của cả hệ thống chính trị, được thực hiện bằng trách nhiệm chính trị cao nhất, bằng sự tâm huyết, trí tuệ và tình cảm thiêng liêng. Đây là mệnh lệnh từ trái tim và là cuộc chạy đua với thời gian để

kịp thời đền đáp công ơn khi thể hệ người có công tuổi ngày càng cao, sức khỏe ngày càng giảm sút.

Các hoạt động tri ân phải bảo đảm trang trọng, thiết thực, ý nghĩa, nhân văn và có sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội; tuyệt đối chống phô trương, hình thức, lãng phí.

Phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, kết hợp chặt chẽ giữa nguồn lực ngân sách nhà nước và nguồn lực xã hội hóa hợp pháp.

Tập trung cao độ nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt điểm việc đó, bảo đảm thực chất và hiệu quả, biến lòng biết ơn thành những hành động và công trình cụ thể nhằm đem lại lợi ích thiết thực tốt nhất cho các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và người có công với nước.

Hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các Nghị định hướng dẫn thi hành

Phó Thủ tướng yêu cầu các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc lĩnh vực theo dõi tập trung thực hiện quyết liệt một số nhiệm vụ trọng tâm.

Trong đó, Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các Nghị định hướng dẫn thi hành, bảo đảm hoàn thành *trong tháng 6 năm 2026*; trong đó lưu ý cần bổ sung đầy đủ và báo cáo giải trình rõ việc thể hiện các chính sách: (i) Trợ cấp nuôi dưỡng, hỗ trợ giáo dục đối với con liệt sĩ cho đến năm 18 tuổi; (ii) Nâng mức phụ cấp ưu đãi đối với thương binh nặng; (iii) Mở rộng đối tượng thụ hưởng là người có công cho phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới. Văn phòng Chính phủ thực hiện lấy ý kiến Thành viên Chính phủ ngay sau khi nhận được hồ sơ trình Chính phủ của Bộ Nội vụ về Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi), phối hợp với Bộ Nội vụ trong quá trình tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ để sớm hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội *trong tháng 6 năm 2026*.

Khẩn trương đơn đốc, hướng dẫn các địa phương rà soát, đánh giá trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phục hồi chức năng tại các Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công (gồm 06 cơ sở trực thuộc Bộ và 40 cơ sở do địa phương quản lý) để cải tạo, sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị chuyên dụng, hỗ trợ chăm sóc thương binh, bệnh binh. Bộ Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, giám sát, đơn đốc việc thực hiện của các địa phương và định kỳ báo cáo kết quả cho Ban Chỉ đạo, bảo đảm nhiệm vụ này *hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm 2027*.

Quyết liệt triển khai hỗ trợ sửa chữa, xây dựng mới nhà ở cho con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang sống trong nhà tạm, nhà dột nát

Bộ Quốc phòng tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả "Chiến dịch 500 ngày đêm"; trong đó đẩy mạnh việc triển khai tìm kiếm, quy tập tại các chiến trường, các địa điểm, địa bàn diễn ra các trận đánh lớn.

Khẩn trương hoàn thành việc rà phá bom mìn tại các vùng lõi trọng điểm, đặc biệt tại Tuyên Quang (Vị Xuyên) và Lào Cai trong năm 2026 để giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và chính quyền các địa phương quyết liệt triển khai hỗ trợ sửa chữa, xây dựng mới nhà ở cho con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang sống trong nhà tạm, nhà dột nát từ nguồn Quỹ Vì người nghèo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngân sách địa phương để bảo đảm mức hỗ trợ xây mới, sửa chữa như Đề án đã báo cáo Ban Bí thư Trung ương Đảng; kết hợp với các nguồn xã hội hóa khác (nếu có) để nâng mức hỗ trợ thực tế đạt khoảng 100 triệu đồng/căn xây mới và 50 triệu đồng/căn sửa chữa; chuẩn bị đầy đủ kỹ lưỡng các điều kiện để tổ chức khởi công đồng loạt một số công trình vào *đầu tháng 7 năm 2026* và *hoàn thành toàn bộ trước ngày 30 tháng 6 năm 2027*.

Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và Trung tâm Việt Nam và Lưu trữ Việt Nam Sam Johnson thuộc Trường Đại học Công nghệ Texas, Hoa Kỳ để tiếp nhận các báo cáo nghiên cứu chuyên sâu liên quan đến bộ đội Việt Nam hy sinh, mất thông tin, mất tích trong chiến tranh và tổ chức thẩm định, khai thác hiệu quả các thông tin, tài liệu được bàn giao, phục vụ cho công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

Phát động phong trào sưu tầm kỷ vật, ghi chép câu chuyện thời chiến

Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương phối hợp định hướng thông tin truyền thông thống nhất; chủ trì mở đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng lan tỏa đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" trên toàn quốc; bố trí lộ trình truyền thông hợp lý theo hướng tập trung cao điểm cho dịp Kỷ niệm 79 năm (năm 2026) và lan tỏa trọng điểm hướng tới Kỷ niệm 80 năm (năm 2027).

Chỉ đạo triển khai kế hoạch và kịch bản chi tiết cho Cầu truyền hình trực tiếp giao lưu nghệ thuật đặc biệt tại 6 điểm cầu vào *tối ngày 26 tháng 7 năm 2027* và chương trình nghệ thuật chính luận "Dáng đứng Việt Nam" tại Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình trong năm 2027.

Chủ trì tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng.

Đề nghị Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống trong thế hệ trẻ; chủ trì tổ chức Lễ thấp nền tri ân đồng loạt vào *lúc 20h00 ngày 26 tháng 7* hằng năm; đẩy mạnh phong trào thanh niên tình nguyện ra quân làm sạch đẹp nghĩa trang liệt sĩ; phát động phong trào sưu tầm kỷ vật, ghi chép câu chuyện thời chiến từ các nhân chứng lịch sử để xây dựng các cuốn sách về ký ức chiến tranh.

Đề nghị Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và Thông tấn xã Việt Nam chủ động phát sóng các chuyên mục, phim tài liệu, phóng sự tri ân các anh hùng liệt sĩ, người có công. Đài Truyền hình Việt Nam chủ trì chuẩn bị kịch bản tổ chức Cầu truyền hình "Đi tìm đồng đội" *tháng 7 năm 2026* tại 4 điểm cầu Vị Xuyên (Tuyên Quang), Quảng Trị, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Cầu truyền hình trực tiếp đặc biệt tri ân các anh hùng liệt sĩ tại 6 điểm cầu vào *tối ngày 26 tháng 7 năm 2027* (Thái Nguyên, Quảng Trị, Điện Biên, An Giang, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật để truyền hình trực tiếp Chương trình nghệ thuật đặc biệt trên sóng truyền hình quốc gia.

Bố trí ngân sách địa phương và đẩy mạnh xã hội hóa để tu bổ, sửa chữa, chỉnh trang đền thờ, đài tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ động, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ tri ân, tìm kiếm quy tập trên địa bàn; bố trí ngân sách địa phương và đẩy mạnh xã hội hóa để tu bổ, sửa chữa, chỉnh trang đền thờ, đài tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ. Ngân sách trung ương chỉ xem xét hỗ trợ các địa phương khó khăn (đặc biệt ưu tiên đối với các nghĩa trang liệt sĩ cấp quốc gia).

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh các thủ tục đầu tư, sớm khởi công dự án trọng điểm Khu tưởng niệm anh hùng liệt sĩ và người có công; đồng thời bảo đảm an ninh trật tự, cảnh quan đô thị phục vụ Lễ kỷ niệm cấp Nhà nước và Hội nghị tri ân toàn quốc.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hải Phòng khẩn trương xây dựng kế hoạch, chủ trì tổ chức thành công các chương trình nghệ thuật đặc biệt: Chương trình "Mãi mãi tuổi 20" tại tỉnh Quảng Ninh (*ngày 24 tháng 7 năm 2026* với quy mô khoảng 40.000 khán giả) và Chương trình nghệ thuật đặc biệt tại thành phố Đà Nẵng (*tháng 5 năm 2027*) thành phố Hải Phòng (*tháng 6 năm 2027*); bảo đảm các chương trình quy mô lớn, mang tính hào hùng, bi tráng và lay động sâu sắc.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư lệnh Quân khu 7 bám sát tình hình, tổ chức các hội thảo khoa học, rà soát, mở rộng tìm kiếm các khu mộ liệt sĩ tập thể trên địa bàn; khẩn trương hoàn thành việc rà soát, kiểm tra địa hình thực địa tại khu vực Công viên Lê Thị Riêng, có văn bản báo cáo Ban Chỉ đạo quốc gia về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ *trong tháng 6 năm 2026*; xây dựng kế hoạch, chủ trì tổ chức thành công các chương trình nghệ thuật đặc biệt (*tháng 5 năm 2027*).

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo tu bổ các nghĩa trang liệt sĩ quốc gia tại địa phương mình và chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất phục vụ cho các điểm Cầu truyền hình trực tiếp.

Nguồn: <https://baochinhphu.vn/>

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

Chuyển biến từ học tập và làm theo sang thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh - Yêu cầu khách quan trong kỷ nguyên mới

Trong nhiều năm qua, việc học tập và làm theo Bác không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ, mà đã trở thành nhu cầu tự thân của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ta. Trong kỷ nguyên mới, chuyển biến mạnh mẽ từ “học tập và làm theo” sang “thực hành” tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không chỉ là thay đổi phương thức triển khai mà là sự chuyển hóa sâu sắc về nhận thức, đạo đức và hành động.

Sự cần thiết phải chuyển biến từ học tập và làm theo sang thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, mở ra nhiều thời cơ, vận hội lớn, song cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức. Đất nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới với mục tiêu mới, niềm tin mới, khát vọng mới, đòi hỏi phải có sự nỗ lực mới rất cao, để phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao; vì một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Để hiện thực hóa được khát vọng lớn lao nêu trên, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới phù hợp với hoàn cảnh mới; phải nói là làm, làm ngay, làm đúng, làm quyết liệt, làm đến cùng và làm hiệu quả. Theo đó, việc chuyển biến mạnh mẽ từ *học tập* và *làm theo* sang *thực hành* tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một đòi hỏi tất yếu khách quan, xuất phát từ những lý do sau:

Một là, từ thực trạng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thời gian qua.

Từ năm 2016, khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về *đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* (Chỉ thị số 05-CT/TW), việc học tập và làm theo Bác tiếp tục được đẩy mạnh trở thành nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, nhằm xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, ngăn chặn suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Sau gần 10 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, cùng với Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18-5-2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, đã tạo chuyển biến rõ nét cả trong nhận thức và hành động, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức triển khai thực hiện vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định: “Việc tu dưỡng, rèn luyện, làm theo Bác, nhất là trách nhiệm

nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt người đứng đầu chưa thường xuyên; một số cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm các quy định của Đảng, vi phạm pháp luật. Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện nhiệm vụ chính trị và giải quyết các khâu đột phá, các vấn đề cấp bách, bức xúc còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc còn bị động, kết quả chưa cao. Việc phát hiện, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình trong học tập và làm theo Bác chưa kịp thời, thiếu sức thuyết phục⁽¹⁾; ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị, việc *học tập* và *làm theo* vẫn còn thiên về hình thức; *học* nhiều nhưng *hành* chưa sâu; *làm theo* chủ yếu dừng ở phong trào, chưa thành nếp sống, nếp làm việc; chưa có cơ chế đánh giá định lượng và định tính rõ ràng về mức độ làm theo hoặc thực hành; công tác tuyên truyền thiếu chiều sâu triết lý và thực hành xã hội, đặc biệt là đối với giới trẻ...

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới, đòi hỏi phải chuyển mạnh từ *học tập, làm theo* sang *thực hành* tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tức là đưa hệ thống giá trị của Người thành năng lực hành động, chuẩn mực sống, động lực phát triển và “sức mạnh mềm” của quốc gia.

Hai là, từ tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng giữa học và hành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa học và hành: “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy”⁽²⁾. Với Người, học tập không chỉ là tiếp thu tri thức, mà còn là quá trình rèn luyện đạo đức, nhân cách và năng lực thực tiễn để trở thành người có ích cho xã hội. Học là để làm việc, để phụng sự Tổ quốc và nhân dân, chứ không phải để thăng quan tiến chức hay thu lợi cá nhân.

Trong công tác cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng việc học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn, nói đi đôi với làm. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thể hiện sự thống nhất giữa lời nói và việc làm, đó không chỉ là nguyên tắc mà còn là tiêu chuẩn lãnh đạo. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” (1947), Người khẳng định: Cán bộ là gốc của mọi công việc, “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”⁽³⁾. Người xác định: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”⁽⁴⁾; để huấn luyện cán bộ đạt hiệu quả thì phải thực hiện phương châm “học đi đôi với hành”. Đây là quan điểm mang tính phương pháp luận sâu sắc, không những có ý nghĩa chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và cả hệ thống chính trị, mà còn trong xây dựng nền giáo dục mới của nước nhà. Người cũng phê phán thói “nói nhiều làm ít”, “miệng nói dân chủ mà việc làm độc đoán”, đồng thời nhấn mạnh: “Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”⁽⁵⁾. Như vậy, *thực hành* trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là hành động cá nhân, mà là sự thống nhất giữa lý tưởng - đạo đức - hành vi, là biểu hiện sinh động của đạo đức cách mạng.

Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, *thực hành* còn là phương pháp giáo dục và lãnh đạo nhân dân. Người cho rằng, chỉ qua thực hành, qua hành động cụ thể trong đời sống, con người mới thật sự chuyển hóa nhận thức thành niềm tin, niềm tin thành hành vi, hành vi thành phẩm chất. *Thực hành* đối với Người không chỉ là biểu hiện của đạo đức mà còn là điều kiện để giữ vững mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân.

Trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, *thực hành* không chỉ là kết quả tất yếu của quá trình *học tập* và *làm theo*, mà còn là nội dung cốt lõi, là phương thức để hiện thực hóa và lan tỏa giá trị của đạo đức cách mạng. Chỉ khi mỗi cán bộ, đảng viên thực sự chuyển hóa lời dạy của Người thành hành động cụ thể trong công việc, trong ứng xử và trong phục vụ nhân dân, thì tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh mới thật sự trở thành động lực hiện hữu trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Ba là, từ quan điểm của Đảng về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đảng ta luôn kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, học tập và hành động. Từ sau Đại hội VI (năm 1986), Đảng xác định việc học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một nội dung trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, là nguồn sức mạnh tinh thần, nền tảng chính trị - tư tưởng vững chắc của chế độ. Tại Đại hội XII (năm 2016), Đảng đưa yêu cầu “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thành một nhiệm vụ thường xuyên của mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên và được thể hiện qua Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị.

Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 18-5-2021, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW; coi đó là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Đồng thời nhấn mạnh yêu cầu mới: học đi đôi với hành, nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức, thực hành liêm chính, gần bó mật thiết với nhân dân. Đây là bước phát triển về chất từ nhận thức đến hành động nhằm đưa giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào cuộc sống. Đặc biệt, Kết luận số 01-KL/TW chỉ rõ: “Chuyển mạnh từ học tập sang làm theo, từ làm theo sang nêu gương, từ nêu gương sang tự giác rèn luyện, thực hành thường xuyên”. Đây là cơ sở lý luận quan trọng khẳng định tính tất yếu của việc chuyển từ *học tập*, *làm theo* sang *thực hành* tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới.

Như vậy, chủ trương của Đảng không dừng ở yêu cầu “học để hiểu”, “làm để noi gương”, mà hướng đến mục tiêu sâu hơn “nội tâm hóa” giá trị Hồ Chí Minh vào đời sống chính trị - đạo đức - công vụ, hình thành văn hóa trong Đảng, trong đó mỗi cán bộ, đảng viên tự nguyện thực hành chuẩn mực Hồ Chí Minh trong mọi hành vi, quyết định, thái độ và phong cách lãnh đạo, phục vụ nhân

dân. Đây là biểu hiện sinh động của quá trình phát triển tư duy lý luận của Đảng trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới.

Bốn là, từ yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới.

Hiện nay, thế giới đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, với nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Sau 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn không ít hạn chế đáng lo ngại về đạo đức, lối sống, niềm tin xã hội và kỷ cương hành chính. Đại hội XIV của Đảng đã chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cấp cao thiếu tu dưỡng, rèn luyện, không gương mẫu, có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, không dám làm, không dám đổi mới sáng tạo, phai nhạt lý tưởng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm những điều đảng viên không được làm, vi phạm pháp luật”⁽⁶⁾. Nhận định này không chỉ phản ánh sai phạm cá nhân, mà còn là dấu hiệu cảnh báo về khoảng cách giữa *học tập* và *thực hành* tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống thực tiễn.

Trong bối cảnh đó, việc chỉ *học tập* hay *làm theo* ở mức phong trào sẽ không đủ sức hóa giải được những nguy cơ, lệch lạc. Bởi, việc *học* nếu chỉ dừng ở lý thuyết, thiếu hành động tự giác, thì khó tạo ra chuyển biến thật sự - chuyển biến về chất - trong nhận thức và hành vi, hành động. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “*Học* phải đi đôi với *hành*, chứ không phải học để nói suông”⁽⁷⁾. Vì thế, yêu cầu “thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” là một đòi hỏi khách quan, mang tính tất yếu lịch sử, là phương thức đổi mới căn bản về văn hóa chính trị và đạo đức công vụ, nhất là trong giai đoạn thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị hiện nay.

Bước chuyển từ *học tập* và *làm theo* sang *thực hành* không chỉ có ý nghĩa trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, mà còn để tiếp tục củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, hướng đến xây dựng hệ giá trị Việt Nam mới, trong đó con người là trung tâm, đạo đức là nền tảng và hành động là thước đo phẩm chất. Khi mỗi cán bộ, đảng viên thật sự “thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, thì đó không chỉ là biểu hiện của đạo đức cách mạng mà còn là động lực phát triển bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Những nội dung cơ bản của thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Thực chất thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là quá trình chuyển hóa từ nhận thức sang hành động, từ lý luận sang thực tiễn, từ việc “học để biết” sang “sống và làm việc theo tư tưởng của Người”. Trong hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có ba nội dung cơ bản tạo thành nền tảng của việc thực hành: 1- Thực hành tư tưởng - chính trị; 2- Thực hành đạo đức - lối sống; 3- Thực hành phong cách - phương pháp công tác.

Trước hết, thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh là quá trình thấm nhuần và vận dụng sáng tạo những giá trị cốt lõi của Người vào công việc hằng ngày. Đó là tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lấy dân làm gốc, coi hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu cao nhất của mọi chính sách... Việc thực hành tư tưởng đó đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, trước hết, biết lắng nghe nhân dân, dựa vào nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Đó là biểu hiện sinh động của tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện Đảng cầm quyền hiện nay.

Thứ hai, thực hành đạo đức Hồ Chí Minh là làm theo những chuẩn mực mà Người nêu gương suốt đời: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung với nước, hiếu với dân; thương yêu con người, sống giản dị, trong sáng, chân thành. Trong bài “Đạo đức cách mạng” (năm 1958), Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”⁽⁸⁾. Do đó, thực hành đạo đức Hồ Chí Minh là quá trình rèn luyện, tu dưỡng không ngừng, là việc làm tự giác, bền bỉ trong cả lời nói và hành động, từ công việc nhỏ đến công việc lớn.

Trong bối cảnh hiện nay, khi những biểu hiện tiêu cực, nhất là chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm... vẫn còn diễn biến phức tạp, lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” (năm 1969) càng trở nên thời sự. Theo đó, để “mỗi người tốt là một bông hoa đẹp. Cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp”, thì *thực hành* chính là vun trồng “rừng hoa đẹp” trong đời sống xã hội bằng việc làm - hành động liêm chính, trách nhiệm, bằng tinh thần - ý thức dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Thứ ba, thực hành phong cách Hồ Chí Minh là học và làm theo phương pháp tư duy, làm việc, ứng xử, lãnh đạo và lối sống của Người. Phong cách Hồ Chí Minh là phong cách của một người Việt Nam tiêu biểu, của người cán bộ cách mạng hết lòng vì nước, vì dân, đồng thời là phong cách của nhà lãnh đạo hiện đại với những đặc trưng tiêu biểu: dân chủ, khoa học, sâu sát, gắn lý luận với thực tiễn, nói đi đôi với làm, trọng hiệu quả hơn hình thức. Phong cách Hồ Chí Minh còn thể hiện ở tinh thần nêu gương; “nói ít, làm nhiều; nói đúng, làm đúng”; ở thái độ khiêm tốn, giản dị; ở cách tiếp cận công việc có kế hoạch, có kiểm tra, có tổng kết... Do đó, thực hành phong cách Hồ Chí Minh không chỉ là “bắt chước”, mà là bền bỉ rèn luyện hằng ngày để có được phương pháp làm việc khoa học, giữ vững ý chí và ý thức tôn trọng sự thật, biết lắng nghe và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Như vậy, “thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” không phải là hành vi cá nhân riêng lẻ mà là một quá trình văn hóa tổ chức, gắn liền với xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, dân chủ và nhân văn. Khi mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu thực hành theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thì tập thể cơ quan, tổ chức cũng tất yếu thực hành theo lẽ lối, quy chế, quy định một cách khoa học, hiệu quả. Đó chính là con đường

để văn hóa Hồ Chí Minh trở thành văn hóa trong Đảng, văn hóa công vụ và văn hóa lãnh đạo, bảo đảm cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Thúc đẩy chuyển biến từ học tập, làm theo sang thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Để thúc đẩy mạnh mẽ việc chuyển biến từ *học tập, làm theo* sang *thực hành* tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới, cần thực hiện tốt một số nội dung, giải pháp sau:

Thể chế hóa và cụ thể hóa tiêu chí “thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Đây là giải pháp nền tảng, định hướng và bảo đảm tính bền vững cho việc chuyển từ *học tập, làm theo* sang *thực hành* tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thể chế hóa là bước then chốt để biến yêu cầu chính trị - tư tưởng thành cơ chế thực thi cụ thể, có thể đo lường, kiểm tra và đánh giá trong toàn hệ thống chính trị. Theo đó, cần ban hành bộ tiêu chí đánh giá việc thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, áp dụng thống nhất trong toàn Đảng và hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở. Bộ tiêu chí có thể xây dựng theo ba nhóm chính: 1- *Nhóm cá nhân*: tập trung vào các chuẩn mực đạo đức, phong cách, trách nhiệm và tinh thần nêu gương của cán bộ, đảng viên. Các chỉ báo có thể bao gồm: mức độ liêm chính, tinh thần phục vụ nhân dân, thái độ trong thực thi công vụ và khả năng nêu gương trong tập thể. 2- *Nhóm tổ chức*: đánh giá mức độ thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành; thể hiện ở tính minh bạch, dân chủ, sáng tạo, hiệu quả và tinh thần phục vụ. 3- *Nhóm xã hội*: đo lường tác động lan tỏa của việc thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cộng đồng; biểu hiện qua việc nhân rộng điển hình tiên tiến, củng cố niềm tin xã hội, nâng cao văn hóa công vụ và đạo đức xã hội.

Để đạt được những nội dung nêu trên, cần tập trung vào một số vấn đề: *Thứ nhất*, bộ tiêu chí cần được xây dựng trên cơ sở khoa học, có tham khảo những mô hình hay, cách làm sáng tạo trong toàn quốc; phù hợp đặc thù từng ngành, từng cấp, từng lĩnh vực. *Thứ hai*, việc đánh giá kết quả thực hành phải được gắn trực tiếp với công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên; công tác quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật... bảo đảm công bằng, khách quan, tránh hình thức hoặc mang tính phong trào. *Thứ ba*, các cơ quan chức năng tăng cường hơn nữa công tác phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và định kỳ kiểm tra việc thực hiện tiêu chí; lấy đó làm căn cứ tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt. *Thứ tư*, tích cực, chủ động ứng dụng công nghệ số để xây dựng hệ thống đánh giá trực tuyến, minh bạch, giúp cán bộ, đảng viên, quần chúng tự chấm điểm và phản hồi kết quả, tạo động lực tự giác *thực hành* trong môi trường công vụ và xã hội.

Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác tuyên truyền, khen thưởng và kiểm tra, giám sát.

Đây là giải pháp giữ vai trò động lực và bảo đảm tính bền vững trong quá trình “thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Nếu thể chế hóa là khung khổ, thì tuyên truyền, khen thưởng và kiểm tra, giám sát chính là cơ chế vận hành để lan tỏa, củng cố và duy trì những giá trị đã được thực hành. Hoạt động này trực tiếp tạo ra tác động xã hội, giúp biến nhận thức thành niềm tin, niềm tin thành hành động và hành động dần thành văn hóa trong hệ thống chính trị.

Theo đó, cần đổi mới mạnh mẽ công tác tuyên truyền theo hướng thiết thực, hấp dẫn, nhân văn và lan tỏa. Cần xây dựng các kênh truyền thông tương tác, trong đó báo chí, các phương tiện truyền thông xã hội và các nền tảng số trở thành không gian lan tỏa giá trị tích cực về thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giới thiệu các điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm sáng tạo, đặc biệt là những tấm gương bình dị mà tiêu biểu trong đời sống hằng ngày; phát triển các chuyên mục, podcast, video ngắn về *người thật - việc thật học Bác*, qua đó tạo cảm hứng và sự gần gũi với công chúng, nhất là thế hệ trẻ; khuyến khích các cơ quan báo chí và đoàn thể phối hợp tổ chức cuộc thi sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật về những tấm gương tiêu biểu trong thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, bảo đảm chiều sâu và tính lan tỏa rộng rãi. Cùng với tuyên truyền, công tác thi đua - khen thưởng phải tiếp tục làm tốt hơn nữa, bảo đảm tính kịp thời, công khai, thiết thực và công bằng. Những cá nhân, tập thể tiêu biểu phải được tôn vinh đúng mức, qua đó tạo động lực thi đua *thực hành* trong toàn xã hội. Kết quả thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cần được đưa vào tiêu chí đánh giá đảng viên, cán bộ, tổ chức đảng ở tất cả các cấp.

Để hiện thực hóa giải pháp nêu trên, cần tăng cường phối hợp xây dựng chiến lược truyền thông quốc gia về thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, định hướng nội dung tuyên truyền nhất quán, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở; công tác kiểm tra, giám sát phải được triển khai nghiêm túc, thường xuyên, có chiều sâu. Cần xây dựng bộ chỉ số giám sát “thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên và xếp loại tổ chức đảng hằng năm; tăng cường ứng dụng công nghệ số để quản lý, lưu trữ và công khai kết quả kiểm tra, giám sát, bảo đảm minh bạch, khách quan, tạo niềm tin trong xã hội; đặc biệt, kiên quyết chống bệnh thành tích, hình thức, phô trương trong công tác tuyên truyền và khen thưởng, coi đây là biểu hiện đi ngược tinh thần *thực hành* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vốn đề cao sự chân thực, giản dị và hiệu quả.

Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu.

Nêu gương là hạt nhân của đạo đức cách mạng và là phương thức giáo dục có sức thuyết phục cao nhất trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁽⁹⁾. Trong bối cảnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đặt ra yêu cầu ngày càng cao, vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu,

trở thành điểm tựa tinh thần và động lực “thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh” trong toàn hệ thống chính trị. Theo đó, người lãnh đạo phải là trung tâm lan tỏa việc “thực hành đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Việc nêu gương không chỉ thể hiện trong lời nói hay chỉ đạo, mà phải thể hiện qua hành động, phong cách làm việc, thái độ ứng xử và tinh thần phục vụ nhân dân. Ngày 9-5-2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 144-QĐ/TW “Về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới”, trong đó xác định cán bộ, đảng viên phải “gương mẫu, khiêm tốn, tu dưỡng rèn luyện, học tập suốt đời”⁽¹⁰⁾. Quy định này cũng cụ thể hóa chuẩn mực gương mẫu thành các nội dung: “Gương mẫu trong công tác và sinh hoạt, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Cán bộ, đảng viên chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, cấp trên gương mẫu trước cấp dưới, cấp ủy gương mẫu trước đảng viên, đảng viên gương mẫu trước quần chúng”⁽¹¹⁾. Cùng với đó, việc đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý cần gắn chặt với mức độ thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong công việc, không chỉ dựa vào kết quả chuyên môn hay năng lực điều hành, mà còn dựa vào thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần trách nhiệm, sự liêm chính và khiêm tốn.

Xây dựng môi trường văn hóa công vụ, văn hóa Đảng thực hành theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Xây dựng môi trường văn hóa công vụ, văn hóa Đảng là điều kiện nền tảng để duy trì và lan tỏa việc thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn xã hội. Một môi trường tổ chức lành mạnh, dân chủ, minh bạch sẽ khuyến khích cán bộ, đảng viên hành động theo chuẩn mực, đồng thời giúp các giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành *chuẩn mực ứng xử hằng ngày*. Đây là bước chuyển từ phong trào thành văn hóa, từ học tập theo chương trình, kế hoạch thành thực hành tự giác và bền vững.

Thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phải được nuôi dưỡng trong môi trường tổ chức có kỷ cương, dân chủ và nhân văn. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần triển khai phong trào “cơ quan văn hóa kiểu mẫu học Bác”, với các tiêu chí trọng tâm như: làm việc khoa học; ứng xử văn minh; phục vụ tận tâm. Việc “thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” cần lan tỏa sâu rộng trong toàn dân, từ gia đình, trường học, doanh nghiệp đến cộng đồng dân cư. Các mô hình như “người tốt - việc tốt”, “công dân thân thiện”, “gia đình học Bác - sống đẹp”... cần được nhân rộng, gắn với phong trào thi đua yêu nước và tiêu chí đánh giá thi đua cấp cơ sở, tạo sự lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu của thời đại, đồng thời là động lực mới trong công tác tư tưởng và giáo dục chính trị của Đảng. Việc đưa các nội dung thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh lên không gian số không chỉ giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, mà còn nâng cao tính tương tác, cá nhân hóa

và hiệu quả lan tỏa giá trị đến mọi tầng lớp nhân dân. Đây là yêu cầu khách quan để thích ứng với phương thức học tập, tiếp nhận tri thức mới của xã hội hiện đại, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Theo đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quá trình học tập, nghiên cứu và thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát triển các nền tảng học tập trực tuyến về tư tưởng Hồ Chí Minh, tích hợp bài giảng, tài liệu, hình ảnh, video, trích đoạn phim tư liệu, câu chuyện kể về Bác. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu mở và thư viện số quốc gia về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh kết nối với các trường chính trị, viện nghiên cứu, cơ quan báo chí và hệ thống tuyên giáo - dân vận địa phương. Thiết lập diễn đàn thảo luận, học tập và chia sẻ gương điển hình trên môi trường số - nơi cán bộ, đảng viên và nhân dân có thể trao đổi kinh nghiệm, lan tỏa gương sáng và mô hình hay. Tăng cường chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, đánh giá và khen thưởng, tạo cơ sở dữ liệu thống nhất về kết quả học tập, thực hành tư tưởng Hồ Chí Minh trên phạm vi toàn quốc. Việc áp dụng công nghệ số đặc biệt có ý nghĩa trong việc mở rộng đối tượng tiếp cận, nhất là thanh niên, sinh viên, công nhân, nông dân và kiều bào ở nước ngoài - những nhóm có nhu cầu học và thực hành theo Bác nhưng ít có điều kiện tham gia các lớp học trực tiếp.

Tóm lại, chuyển biến từ *học tập* và *làm theo* sang *thực hành* tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chính là nâng cao hơn về chất việc học tập và làm theo Bác trong kỷ nguyên mới, nhằm làm cho giá trị của Người trở nên sống động, thiết thực hơn trong mỗi con người, mỗi tổ chức, mỗi quyết sách của quốc gia. Qua đó, đạo đức, phong cách không chỉ là chuẩn mực lý thuyết, mà trở thành “sức mạnh mềm” của dân tộc. Khi mỗi cán bộ, đảng viên, người dân đều thực hành theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh từ việc nhỏ nhất đến việc lớn thì xã hội ta sẽ ngày càng trở nên nhân văn hơn, sáng tạo và tốt đẹp hơn. Đó cũng chính là con đường hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới./.

(1) Kết luận của Bộ Chính trị tại phiên họp ngày 7-5-2021 về Sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15-5-2016, của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 361

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 280, 309

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 6, tr. 16

(6) Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 15, tr. 116

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 5, tr. 292

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 284

(10), (11) Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9-5-2024, của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới

Nguồn: Hồ Chí Minh.Vn

NHIỀU CHÍNH SÁCH MỚI CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 1/7/2026

Chính sách mới có hiệu lực từ tháng 7/2026

(Chinhphu.vn) - Từ tháng 7/2026, nhiều chính sách mới có hiệu lực, nổi bật là quy định tăng lương cơ sở; tăng lương hưu và trợ cấp; quy định về vị trí việc làm viên chức...



Tăng lương cơ sở lên 2.530.000 đồng/tháng từ 01/7/2026

Chính phủ ban hành Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Theo đó, mức lương cơ sở sẽ tăng lên 2.530.000 đồng/tháng kể từ ngày 01/7/2026.

Tăng 8% lương hưu và trợ cấp từ ngày 01/7/2026

Từ ngày 01/7/2026, theo Nghị định 162/2026/NĐ-CP, mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội sẽ tăng thêm 8%. Đặc biệt, Chính phủ nâng mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng lên 3,8 triệu đồng/tháng đối với một số trường hợp có mức hưởng thấp sau khi tăng chung.

Nhà giáo được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề từ 20-80% từ 7/7/2026

Chính phủ ban hành Nghị định số 182/2026/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục công tác trong các cơ sở giáo dục công lập.

Trong đó, Nghị định quy định mức phụ cấp ưu đãi theo nghề từ 20% đến 80% dành cho nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân sự hỗ trợ tại các cơ sở giáo dục. Mức phụ cấp được phân loại tăng dần dựa trên cấp học, tính chất đặc thù của môn học và điều kiện khó khăn của địa bàn công tác. Trong đó, mức cao nhất (70% - 80%) được ưu tiên áp dụng cho nhân sự công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, trường chuyên biệt hoặc các trường dân tộc nội trú.

Nghị định trên có hiệu lực từ ngày 7/7/2026.

Trẻ em từ 2 - 12 tuổi đi tàu bay được giảm 50% mức phí bảo đảm an ninh hàng không từ 1/7/2026

Chính phủ ban hành Nghị định số 215/2026/NĐ-CP ngày 18/6/2026 về an ninh hàng không.

Nghị định quy định các trường hợp được miễn phí bảo đảm an ninh hàng không như sau:

- a) Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại của Đảng và Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- b) Túi ngoại giao, túi lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- c) Trẻ em dưới 02 tuổi đi tàu bay;
- d) Các trường hợp khác được miễn phí theo điều ước quốc tế hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trẻ em từ đủ 02 tuổi đến dưới 12 tuổi đi tàu bay được áp dụng mức thu bằng 50% mức thu phí đối với hành khách người lớn theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1/7/2026.

15 nhóm chi ngân sách cho công tác dẫn độ tội phạm

Nghị định 172/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2026, quy định chi tiết về kinh phí bảo đảm cho công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và tương trợ tư pháp về hình sự.

Văn bản xác định 15 nhóm nội dung chi từ ngân sách nhà nước, trong đó có chi việc xử lý, lập, quản lý hồ sơ yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự; chi lấy ý kiến chuyên gia tư vấn trong nước và chuyên gia tư vấn của nước ngoài trong trường hợp yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến vấn đề phức tạp; chi dịch các tài liệu, công chứng, chứng thực hồ sơ yêu cầu dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam và nước ngoài; chi dịch công thư, công hàm, văn bản hoặc tài liệu khác trao đổi giữa các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có); chi phí cấp giấy tờ cần thiết cho người bị dẫn độ, người được chuyển giao;...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1/7/2026.



Sửa đổi, bổ sung một số quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Chính phủ ban hành Nghị định số 236/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. Điểm mới đáng chú ý của Nghị định là việc bổ sung các trường thông tin liên quan đến công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe và quản lý điểm giấy phép lái xe; thông tin về xe cơ giới nước ngoài do người nước ngoài điều khiển tham gia giao thông tại Việt Nam; thông tin về đơn vị kinh doanh vận tải, phù hiệu xe kinh doanh vận tải.

Từ ngày 1/7/2026, cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, sai sự thật trên mạng xã hội bị phạt đến 50 triệu đồng

Chính phủ ban hành Nghị định số 174/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, giao dịch điện tử và công nghệ thông tin. Trong đó, đáng chú ý là các quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội.

Nghị định quy định phạt 20-30 triệu đồng đối với hành vi quảng cáo, tuyên truyền, chia sẻ thông tin về hàng hóa, dịch vụ bị cấm; 30- 50 triệu đồng khi cung cấp, chia sẻ thông tin sai sự thật gây hoang mang dư luận...

Nghị định trên có hiệu lực từ ngày 1/7/2026.

Quy định về vị trí việc làm viên chức áp dụng từ 1/7/2026

Chính phủ ban hành Nghị định số 232/2026/NĐ-CP quy định về vị trí việc làm viên chức.

Nghị định 232/2026/NĐ-CP quy định về nguyên tắc, danh mục vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm, việc xác định vị trí việc làm, thẩm quyền, trách nhiệm quản

lý, phê duyệt, điều chỉnh danh mục vị trí việc làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Trong đó, Nghị định quy định một chức danh quản lý tương ứng với một vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu thì việc phân công phụ trách lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể không làm phát sinh vị trí việc làm mới, không làm thay đổi tên gọi của vị trí việc làm.

Gắn với một vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ hoặc vị trí việc làm hỗ trợ phù hợp với lĩnh vực được giao phụ trách; là căn cứ để xác định nhiệm vụ chuyên môn, yêu cầu về năng lực và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

Chấm điểm, đánh giá viên chức hằng tháng hoặc hằng quý

Chính phủ ban hành Nghị định số 233/2026/NĐ-CP quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức.

Nghị định quy định việc đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức phải căn cứ vào khung tiêu chí quy định tại Nghị định này và các tiêu chí cụ thể do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ban hành, được chấm tối đa 100 điểm.

Điểm theo dõi, đánh giá viên chức của năm được xác định căn cứ theo điểm theo dõi, đánh giá viên chức hằng tháng hoặc hằng quý, làm cơ sở xếp loại chất lượng viên chức.

Viên chức được xếp loại theo các mức:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên.
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 70 điểm đến dưới 90 điểm.
3. Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
4. Không hoàn thành nhiệm vụ thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Có kết quả theo dõi, đánh giá của năm dưới 50 điểm;
 - b) Bị cấp có thẩm quyền kết luận có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi công tác;
 - c) Có hành vi vi phạm liên quan đến thực hiện nhiệm vụ bị kỷ luật bằng hình thức từ khiển trách trở lên trong năm đánh giá;
 - d) Tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền phụ trách, quản lý trực tiếp liên quan đến tham ô, tham nhũng, lãng phí và bị xử lý theo quy định của pháp luật (đối với viên chức quản lý).

Trường hợp cá nhân viên chức quản lý đã chủ động phát hiện, báo cáo và chỉ đạo xử lý kịp thời, khắc phục xong hậu quả thì cấp có thẩm quyền căn cứ

vào hoàn cảnh, tính chất, hành vi, mức độ vi phạm, hậu quả, nguyên nhân và các yếu tố liên quan khác để xem xét, đánh giá, xếp loại bảo đảm khách quan, thận trọng, toàn diện và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo phân cấp.

4 hình thức kỷ luật đối với viên chức

Chính phủ ban hành Nghị định số 234/2026/NĐ-CP quy định về xử lý kỷ luật viên chức.

Nghị định quy định các hình thức kỷ luật đối với viên chức gồm: Khiển trách; Cảnh cáo; Cách chức, áp dụng đối với viên chức quản lý; Buộc thôi việc.

Viên chức bị kỷ luật bằng một trong các hình thức quy định trên còn bị hạn chế thực hiện hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật có liên quan.

Viên chức bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị kết án về tội phạm tham nhũng thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; viên chức quản lý phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ được bổ nhiệm.

Chính phủ quy định 4 mức độ dịch vụ công trực tuyến chủ động

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số. Trong đó, Chính phủ quy định 4 mức độ dịch vụ công trực tuyến chủ động gồm: Mức độ 1: Dịch vụ công trực tuyến chủ động nhắc thực hiện; Mức độ 2: Dịch vụ công trực tuyến chủ động nhắc và chuẩn bị hồ sơ; Mức độ 3: Dịch vụ công trực tuyến chủ động nhắc, chuẩn bị hồ sơ và khuyến nghị phương án dịch vụ; Mức độ 4: Dịch vụ công trực tuyến chủ động nhắc, chuẩn bị hồ sơ, khuyến nghị phương án dịch vụ và tự động thực hiện. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2026.

Nguồn: Báo điện tử Chính phủ

Ban CTD&TTN